

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

**KẾ HOẠCH
TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI
VỆ SINH NÔNG THÔN NĂM 2018
TỈNH HÀ GIANG**

-----o0o-----

Hà Giang, tháng 8 năm 2018

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BCC	Truyền thông thay đổi hành vi
Bộ NN-PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
CHTI	Cửa hàng tiện ích
CTV	Cộng tác viên
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
GVQV	Góp vốn quay vòng
HGD	Hộ gia đình
HTKT	Hỗ trợ kỹ thuật
HVS	Hợp vệ sinh
KHKD	Kế hoạch kinh doanh
NT	Nhà tiêu
NHCSXH	Ngân hàng chính sách xã hội
PforR	Chương trình dựa trên kết quả
TOT	Tập huấn cho giảng viên nông cốt
TTYT	Trung tâm Y tế
TTV	Tuyên truyền viên
YTTB	Y tế thôn bản
TTKSBT tỉnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh
UBND	Ủy ban nhân dân
VIHEMA	Cục quản lý môi trường Y tế
VSMT	Vệ sinh môi trường
VSTX	Vệ sinh toàn xã
WSP	Chương trình Nước và Vệ sinh - Ngân hàng thế giới
KTNN	Kiểm toán nhà nước
NSVSNT	Nước sạch vệ sinh nông thôn

Số: *173* /KH-BĐH

Hà Giang, ngày *06* tháng 8 năm 2018

KẾ HOẠCH
Truyền thông thay đổi hành vi Vệ sinh nông thôn
Tỉnh Hà Giang năm 2018

I. CƠ SỞ LẬP KẾ HOẠCH

1. Cơ sở pháp lý

- Quyết định số 1415/QĐ-TTg, ngày 20/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục dự án Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” vốn vay Ngân hàng thế giới;
- Quyết định số 3606/QĐ-BNN-HTQT, ngày 04/9/2015 của Bộ nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Văn kiện Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả”;
- Quyết định số 3622/QĐ-BNN-HTQT, ngày 07/9/2015 của Bộ nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả”;
- Quyết định số 3622/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/7/2016 của Bộ nông nghiệp và PTNT về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3606/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/9/2015 của Bộ nông nghiệp và PTNT;
- Kế hoạch số 338/KH-UBND, ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Hà Giang về kế hoạch thực hiện Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” năm 2018;
- Quyết định số 1249/QĐ-UBND, ngày 25/6/2018 của UBND tỉnh Hà Giang về phân khai vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” năm 2018;
- Công văn số 2219/UBND-TN, ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh Hà Giang về thực hiện Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả”.

2. Thông tin chung của tỉnh và tình hình vệ sinh môi trường

2.1. Thông tin chung của tỉnh

Hà Giang là một tỉnh vùng cao núi đá, địa hình phức tạp, có độ dốc lớn, nhiều thung lũng và sông suối. Khí hậu mang nhiều sắc thái ôn đới được chia làm 2 mùa (mùa mưa và mùa khô). Vào mùa mưa thường xuyên xảy ra lũ quét gây thiệt hại nhiều nhà cửa và tài sản của các hộ gia đình dẫn đến đời sống của nhân dân đã khó khăn lại thêm khó khăn hơn. Điều kiện vệ sinh môi trường chưa được cải thiện, nhận thức của người dân đối với vấn đề vệ sinh môi trường,

vệ sinh cá nhân, đặc biệt là việc xây dựng, sử dụng và bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh còn hạn chế, chưa có thói quen rửa tay thường xuyên bằng xà phòng.

- Diện tích: 7.914,9 km².

- Dân số: tổng dân số của tỉnh 922.581 người. Trong đó, dân số thành thị là 165.453 người, dân số nông thôn: 757.128 người.

- Tổng số hộ là 176.433 hộ, trong đó hộ gia đình nông thôn: 144.756 hộ, hộ thành thị 31.677 hộ.

- Dân tộc: Có 19 dân tộc anh em sinh sống trong đó: Mông chiếm 31,8%, Tày 23,3%, Dao 15,1%, Kinh 13,3%, Nùng 9,9%, còn lại là các dân tộc khác.

- Tỷ lệ hộ đói nghèo: Hộ nghèo chiếm 34,18%, hộ cận nghèo chiếm 14%.

- Hành chính: Tỉnh Hà Giang bao gồm 01 thành phố và 10 huyện, 195 xã/phường (136 xã đặc biệt khó khăn); 2.069 thôn bản (trong đó 1.409 thôn bản đặc biệt khó khăn: khu vực II 160 thôn bản, khu vực III 1.249 thôn bản).

1.2. Thực trạng chung về nước sạch và vệ sinh môi trường

Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh (HVS) trong toàn tỉnh còn rất thấp, ước tính đến hết tháng 12/2017 tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu HVS toàn tỉnh là 63%; khu vực nông thôn là 40,23%. Tình trạng hộ gia đình không có nhà tiêu hoặc có nhà tiêu nhưng không hợp vệ sinh trên địa bàn toàn tỉnh chiếm gần 43%. Nhiều xã hoặc thôn/bản trong tình trạng không có nhà tiêu HVS. Thói quen phóng uế bừa bãi ra môi trường vẫn còn khá phổ biến. Kết quả xét nghiệm nước sinh hoạt khu vực nông thôn trong nhiều năm nay cho thấy trên 100% số mẫu nước thu thập được cho kết quả xét nghiệm không đạt 2 tiêu chuẩn về vi sinh (*Feacal Colifrom* và *Colifrom tổng số*). Phân và rác thải của người, gia súc không được thu gom và xử lý triệt để; Ở khu vực thành thị cũng chỉ là thu gom rác, chưa được xử lý đúng qui trình. Cùng với đó là cộng đồng chưa có được thói quen rửa tay với xà phòng hoặc các sản phẩm thay thế sau khi đi vệ sinh hoặc trước những thời điểm quan trọng. Nhận thức của người dân đối với vấn đề vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường bảo vệ sức khỏe còn rất hạn chế.

Tỷ lệ nhà tiêu hợp vệ sinh tại các Trạm Y tế là 84,6%; tỷ lệ nhà tiêu hợp vệ sinh của Trường học là 66%. Như vậy, vẫn còn một tỷ lệ khá cao Trạm Y tế và Trường học hiện chưa có nhà tiêu hợp vệ sinh.

3. Tình hình triển khai Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” từ 2016 - 2017

Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” đã được triển khai từ năm 2016 đến nay và đã đạt được những kết quả cụ thể sau:

3.1. Năm 2016

- Vệ sinh toàn xã: Đăng ký 03 xã (Thanh Thủy, Đông Yên và Xuân Giang) đạt xã Vệ sinh toàn xã nhưng không đạt được nguyên nhân do nguồn vốn năm 2016 không được cấp theo kế hoạch phê duyệt.

- Cải tạo và nâng cấp xây mới 10 công trình vệ sinh Trạm Y tế xã trong năm 2016 không hoàn thành do triển khai muộn (12/2016) và không được cấp vốn theo kế hoạch phê duyệt.

- Truyền thông thay đổi hành vi: Hoàn thành các chỉ số kiểm đếm kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi theo yêu cầu kiểm đếm của WB. Tổng số kinh phí thực hiện 95.350.000 đồng (Do UBND tỉnh tạm ứng thực hiện)

3.2. Năm 2017

- Thực hiện Vệ sinh toàn xã:

+ Tổng số xã thực hiện vệ sinh toàn xã: 12 (gồm 3 xã năm 2016 chuyển sang và đăng ký mới 09 xã) gồm Phương Tiến, Linh Hồ, Trung Thành, Vô Diêm, Việt Hồng, Vĩnh Hảo, Đông Thành, Hương Sơn, Vĩ Thượng.

+ Hoàn thành kiểm đếm và đạt vệ sinh toàn xã: 03 xã (của năm 2016) với 508 hộ gia đình xây mới công trình vệ sinh. Tổng số vốn 533.400.000 đồng.

+ 09 xã đăng ký năm 2017 không hoàn thành được các tiêu chí của Chương trình do nguồn kinh phí cấp quá muộn (tháng 12/2017 mới có Quyết định).

- Cải tạo, nâng cấp và xây mới công trình vệ sinh Trạm Y tế xã:

+ Tổng số công trình vệ sinh theo kế hoạch: 18 (gồm 10 công trình năm 2016 chuyển sang và 8 công trình đăng ký mới trong năm)

+ Tổng số công trình đã hoàn thành và được nghiệm thu: 10 (công trình từ 2016 chuyển sang)

+ Tổng số công trình chưa thực hiện được: 08

- Truyền thông thay đổi hành vi: Hoàn thành thực hiện nội dung truyền thông thay đổi hành vi theo các nội dung cốt lõi của Chương trình tại 12 xã với số kinh phí giải ngân là 995.600.000 đồng (trong đó trả 95.350.000 đồng cho UBND tỉnh tạm ứng thực hiện năm 2016), nguồn kinh phí được cấp vào tháng 12/2017.

Nhìn chung, tiến độ của Chương trình trong những năm qua rất chậm do nguồn kinh phí được cấp rất chậm và chưa đáp ứng được yêu cầu theo kế hoạch hàng năm đã xây dựng.

(Chi tiết Phụ lục I)

4. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch truyền thông

Kế hoạch truyền thông được xây dựng theo các nguyên tắc sau:

- Tích hợp ba hợp phần chính trong truyền thông (Tạo cầu và truyền thông thay đổi hành vi; phát triển thị trường vệ sinh, thúc đẩy môi trường thuận lợi). Cả 3 hợp phần cần được triển khai đồng bộ và gắn kết với nhau theo một lộ trình phù hợp: Tạo nhu cầu và truyền thông thay đổi hành vi về điều kiện vệ sinh được cải thiện, phát triển thị trường cho các sản phẩm và dịch vụ vệ sinh, vận động chính sách thúc đẩy môi trường thuận lợi nhằm đưa ra các chính sách, khung thể chế và tài chính, để từ đó tạo ra các chương trình vệ sinh nông thôn có hiệu quả, bền vững và có thể nhân rộng trên quy mô lớn.

- Chuẩn hoá các hoạt động truyền thông về vệ sinh cho mỗi cấp triển khai khác nhau (tỉnh, huyện, xã, thôn) để có thể dễ dàng đem nhân rộng áp dụng ra nhiều huyện khác nhau. Thiết kế dạng mô-đun cho các gói hoạt động, để cấp tỉnh và huyện có thể triển khai theo từng tháng, lựa chọn và ưu tiên triển khai ở một số xã nhất định trong giai đoạn đầu của chương trình và sau đó mở rộng ra các huyện, xã còn lại, hoặc triển khai chiến dịch trên diện rộng nếu có đủ kinh phí. Thời gian đề xuất triển khai một cách toàn diện kế hoạch cho một xã ít nhất là 12 tháng, tuy nhiên các xã nên tiến hành các hoạt động chuẩn bị vào năm trước năm triển khai chính thức và có các hoạt động duy trì tối thiểu ít nhất là 01 năm sau năm can thiệp chính để đảm bảo tính bền vững của các hoạt động can thiệp.

Căn cứ cơ sở pháp lý, điều kiện thực tiễn tại địa phương, kết quả triển khai hoạt động Chương trình trong những năm qua và nguyên tắc xây dựng kế hoạch truyền thông, Ban điều hành Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” tỉnh Hà Giang xây dựng Kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh nông thôn năm 2018 với những nội dung như sau:

II. MỤC TIÊU TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI

1. Mục tiêu chung

Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân nông thôn nhằm cải thiện hành vi vệ sinh cá nhân, tăng cường tỷ lệ người dân được tiếp cận bền vững với nước sạch và vệ sinh nông thôn được cải thiện cho người dân tỉnh Hà Giang.

2. Các chỉ tiêu cụ thể

- 19 xã được triển khai truyền thông thay đổi hành vi, trong đó:
 - + 09 xã từ năm 2017 chuyển tiếp sang tiếp tục lồng ghép các nội dung truyền thông thay đổi hành vi (*Chi tiết Phụ lục IA*).
 - + 10 xã thực hiện các nội dung truyền thông thay đổi hành vi cốt lõi theo yêu cầu minh chứng kiểm đếm của Chương trình (*Chi tiết Phụ lục IB*)
- 19 xã đạt “Vệ sinh toàn xã” năm 2018; trong đó:
 - + 100% hộ gia đình (17.836 hộ gia đình với 80.432 người) được tuyên truyền, vận động xây và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, thông qua cung cấp thông tin về các loại nhà tiêu hợp vệ sinh, cũng như cách sử dụng và bảo quản nhà tiêu đúng quy cách;
 - + 100% hộ gia đình được cung cấp kiến thức về vệ sinh cá nhân và rửa tay với xà phòng và nước sạch;
 - + 100% giáo viên và học sinh (tương ứng với 740 giáo viên và 13.410 học sinh) các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở (không kể các điểm trường) được cung cấp kiến thức về sử dụng và bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh đúng quy cách, rửa tay với xà phòng và nước sạch vào các thời điểm quan trọng;
 - + 08 các chủ cửa hàng, nhà sản xuất vật liệu xây dựng đồng ý trở thành cửa hàng tiện ích mới và 08 chủ (CHTI) và cộng tác viên, thợ xây của họ trong 19 xã (03 xã được cung cấp bởi CHTI xã liên kết) “Vệ sinh toàn xã” được đào tạo tập huấn về thị trường vệ sinh, kỹ thuật xây dựng nhà tiêu, lập kế hoạch kinh

doanh, kỹ năng bán hàng để xây dựng và phát triển thành hệ thống CHTI góp phần thúc đẩy chuỗi cung ứng dịch vụ vệ sinh tại địa phương phát triển tốt;

+ 100% cán bộ Trạm Y tế xã, y tế thôn bản tham gia thực hiện Chương trình được đào tạo tập huấn về các mô hình thúc đẩy vệ sinh; truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh; thúc đẩy thị trường vệ sinh, kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh, nhà tiêu HGD; nhà tiêu trường học và trạm y tế;

+ Các cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể các cấp và những người có vai trò lãnh đạo trong cộng đồng như trưởng thôn, bản tại địa phương cung cấp thông tin về tầm quan trọng và các nội dung vệ sinh nông thôn;

+ Ít nhất 3.400 nhà tiêu hợp vệ sinh được đầu tư xây mới hoặc cải tạo vận do vận động người dân tự thực hiện.

3. Chỉ số đầu ra mong muốn hợp phần vệ sinh của tỉnh năm 2018

- 03 huyện được can thiệp từ Chương trình;
- 19 xã đạt “Vệ sinh toàn xã”,
- 186 thôn thuộc 19 xã đạt “Vệ sinh toàn xã” có hoạt động của Chương trình;
- 17.836 hộ gia đình và 80.432 người dân được hưởng lợi từ Chương trình;
- 13.410 học sinh (tại 19 xã) được hưởng lợi. (Phụ lục IC)

III. ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Đối tượng hưởng lợi

- Là các hộ gia đình nông thôn, ngoài ra các cán bộ tham gia cũng sẽ được tăng cường năng lực trong quá trình thực hiện chương trình.

- Là học sinh, giáo viên ở các trường tiểu học, trường mầm non và trung học cơ sở trên địa bàn chương trình “RB-SupRSWS” triển khai.

2. Nội dung hoạt động

Các hoạt động dưới đây nhằm thúc đẩy thực hiện mục tiêu của kế hoạch truyền thông, tập trung vào các lĩnh vực sau:

- Tạo môi trường thuận lợi;
- Tạo cầu; truyền thông thay đổi hành vi;
- Phát triển thị trường vệ sinh.

(Chi tiết thực hiện theo các Phụ lục II, IIIA, IIIB, IIIC và VI)

2.1. Tạo môi trường thuận lợi

Tập trung vào các hoạt động chính là: Vận động chính sách; Nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện; Giám sát và đánh giá.

2.1.1. Các hoạt động vận động chính sách

- Vận động chính sách thông qua các kênh khác nhau bao gồm các phương tiện truyền thông đại chúng; sử dụng Video, tài liệu cung cấp các bằng chứng về tác động của vệ sinh đến sức khỏe và xã hội và các công cụ thông tin khác được thiết kế cho những người ra quyết định và lãnh đạo.

- Các hội nghị triển khai các cấp: Lồng ghép các mục tiêu thu hút sự quan tâm của các cấp lãnh đạo.

- Xác định và khích lệ các điển hình địa phương là điều quan trọng để thành công. Chương trình sẽ thực hiện cách tiếp cận dựa trên kết quả với phần thưởng và ghi nhận các điển hình thành công, xuất sắc. Cơ chế khen thưởng sẽ được xây dựng dựa trên hỗ trợ kỹ thuật hiện tại trong khuôn khổ PforR NSVSNT.

2.1.2. Các hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện Chương trình các cấp

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tiếp nhận tài liệu, bộ công cụ phục vụ cho hoạt động truyền thông từ Chương trình trung ương và tập huấn chuyển giao cho tuyến huyện, tuyến xã thực hiện, sử dụng theo hướng dẫn của Chương trình.

- Lựa chọn giảng viên nòng cốt tuyến tỉnh: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh lựa chọn các giảng viên nòng cốt cấp tỉnh, cử đi tập huấn các lớp do Chương trình trung ương tổ chức, những giảng viên này sẽ tập huấn lại cho các cán bộ cấp huyện.

- Tập huấn cho giảng viên nòng cốt (TOT): Các giảng viên nòng cốt được tập huấn ở Trung ương là giảng viên cho các cấp thấp hơn để truyền đạt lại các kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng truyền thông tại cộng đồng. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh sẽ hỗ trợ TTYT huyện và Trạm Y tế xã trong việc lựa chọn các cán bộ tham gia tập huấn và triển khai các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi tại cộng đồng. Các lớp tập huấn ở các cấp tại địa phương sẽ tập trung vào các nội dung sau:

- + Kỹ năng truyền thông vận động cộng đồng thay đổi hành vi vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường;

- + Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động của Chương trình;

- + Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Chương trình; xây dựng và sử dụng nhà tiêu cải thiện, tiếp thị vệ sinh và kết nối chuỗi cung-cầu.

- Các khóa tập huấn cho cán bộ thực hiện dự án:

- + Cấp huyện: Xây dựng năng lực về lập kế hoạch cấp huyện, vận động chính sách, hỗ trợ và giám sát, điều phối giữa các hoạt động BCC và tăng cường chuỗi cung cấp khu vực tư nhân.

- + Cấp xã: Xây dựng năng lực về lập kế hoạch cấp xã, hỗ trợ và giám sát thực hiện, và kết nối với khu vực tư nhân. Kỹ năng truyền thông - vận động vệ sinh cũng là một trong các nội dung sẽ tập huấn cho cán bộ tuyến xã. Đối tượng tập huấn cho tuyến xã là Ban Chăm sóc sức khỏe nhân dân đối với các xã can thiệp để đạt tiêu chí “Vệ sinh toàn xã”; đối với các xã khác do nguồn lực hạn chế nên đối tượng tập huấn chỉ tập trung cho cán bộ Y tế xã, mỗi xã 2 cán bộ - trưởng trạm y tế và cán bộ phụ trách chương trình của Trạm Y tế.

+ Cấp thôn bản: Bao gồm cán bộ y tế, trưởng thôn/làng, tổ chức quần chúng - xây dựng năng lực về triển khai các hoạt động truyền thông, theo dõi và báo cáo;

- Tập huấn cho khu vực tư nhân để phát triển thị trường vệ sinh phát triển các mô hình kinh doanh nhằm thúc đẩy thị trường vệ sinh phát triển. Hoạt động này bao gồm các khóa tập huấn sau:

+ Tập huấn về kỹ thuật xây dựng nhà tiêu cho thợ xây và CHTI bao gồm: Các loại nhà tiêu và cấu tạo từng loại; Các vật liệu thay thế để xây nhà tiêu xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh giá rẻ, các kỹ thuật xây nhà tiêu.

+ Tập huấn về kỹ năng tiếp thị bán hàng cho CTV ở thôn bản và các CHTI.

+ Hướng dẫn các chủ CHTI xây dựng KHKD, cung cấp các thông tin về thị trường vệ sinh tiềm năng ở địa phương và giúp cửa hàng dự đoán thị trường và dự tính tài chính trước khi triển khai mô hình kinh doanh CHTI. Đây là hoạt động được thực hiện tại cơ sở từng CHTI, có sự tham gia của chủ CHTI, thợ xây của CHTI.

- Tập huấn cho giảng viên nòng cốt của hệ thống giáo dục (TOT): Các giảng viên nòng cốt của sở giáo dục được tham gia tập huấn TOT cấp trung ương sẽ là giảng viên tập huấn lại cho cán bộ ngành GD&ĐT và cán bộ các trường học cấp dưới, nhằm nâng cao năng lực thực hiện chương trình/hoạt động:

+ Lòng ghép truyền thông về vệ sinh cá nhân (rửa tay bằng xà phòng - cho trẻ em mẫu giáo và tiểu học...).

+ Sử dụng và bảo quản công trình nước và vệ sinh ở trường học.

2.1.3. Giám sát đánh giá

- Thực hiện điều tra ban đầu về hiện trạng vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh trong trường học của tất cả các điểm trường chính và vệ sinh Trạm y tế của các xã dự kiến thực hiện Vệ sinh toàn xã. Kết quả điều tra sẽ phục vụ cho các ban ngành cấp tỉnh thống nhất và ra quyết định thực hiện hoặc thay đổi các xã lựa chọn.

- Tiếp nhận và triển khai các mẫu biểu theo dõi, báo cáo chuẩn từ Chương trình trung ương để theo dõi việc thực hiện các hoạt động BCC và cung cấp dịch vụ vệ sinh. Các báo cáo sẽ được sử dụng để thẩm tra việc thực hiện kế hoạch BCC.

- Báo cáo sẽ có đủ chi tiết, ví dụ họp thôn: ngày họp, số lượng người tham gia và giới tính, hoạt động, các vấn đề thảo luận, v.v...; các sự kiện bán hàng và xúc tiến vệ sinh: ngày sự kiện, người tham gia, số lượng bán hàng,... cũng cấu thành một phần của theo dõi và báo cáo.

- Tiếp tục duy trì bảng cơ sở dữ liệu nhà tiêu để theo dõi tình hình sử dụng nhà tiêu trên phạm vi toàn tỉnh. Bảng cơ sở dữ liệu có thể được sửa đổi cho phù hợp với Chương trình và được cập nhật 6 tháng 1 lần.

- Triển khai các hoạt động giám sát việc thực hiện chương trình tại cộng đồng:

+ Giám sát của tuyến tỉnh: Đối với giám sát chung các hoạt động của Chương trình sẽ thực hiện 2 lần/năm. Thực hiện giám sát, hỗ trợ 1 lần/hoạt động

đối với các hoạt động như tập huấn, truyền thông, tổ chức sự kiện... của tuyến huyện, xã, thôn/bản.

- + Giám sát của tuyến huyện: Thực hiện hàng tháng đối với các xã thực hiện vệ sinh toàn xã. Tất cả các hoạt động như họp dân, thăm hộ tại thôn bản đều được cán bộ xã giám sát.

- + Giám sát duy trì VSTX: Mỗi xã chọn 4 CTV tham gia thực hiện giám sát tại xã mình sau khi đã đạt VSTX nhằm duy trì tính bền vững.

- Thực hiện báo cáo tiến độ theo đúng định kỳ sau:

- + Tuyên truyền viên thôn bản sẽ lập các báo cáo hoạt động tại thôn theo từng tháng và nộp lại cho cán bộ Trạm Y tế vào ngày 30 hàng tháng.

- + Đối với hoạt động BCC ở cấp xã, Trạm Y tế sẽ lập báo cáo theo quý và nộp cho Trung tâm Y tế huyện vào ngày 30 cuối quý.

- + Trung tâm Y tế huyện tổng hợp báo cáo và gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật theo quý vào ngày 5 tháng đầu của mỗi quý tiếp theo.

- + Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tổng hợp báo cáo cho Ban Điều hành chương trình tỉnh Hà Giang, Cục Quản lý Môi trường Y tế hàng quý vào ngày 20 đầu tháng mỗi quý tiếp theo. Hàng năm Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tổng hợp một báo cáo cho Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; sau đó được nộp lên Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Y tế ở cấp Trung ương cùng với kế hoạch BCC cho năm tiếp theo.

- + Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh báo cáo hàng quý cho Vụ Công tác Học sinh - Sinh viên Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo năm cho Bộ Giáo dục & Đào tạo sau đó được nộp lên Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Giáo dục & Đào tạo cùng với kế hoạch BCC hàng năm cho năm tiếp theo chịu trách nhiệm.

- Quy trình theo dõi và báo cáo cho vệ sinh toàn xã cũng được xây dựng, bao gồm theo dõi tình hình vệ sinh được duy trì ở mẫu giáo, tiểu học và trung học công lập, và các trạm y tế cho những xã đã đạt được tình trạng Vệ sinh toàn xã sau hai năm thực hiện. Các quy trình này sẽ được KTNN sử dụng để thẩm tra kết quả đạt được.

2.2. Các hoạt động tạo cầu, truyền thông thay đổi hành vi

2.2.1. Cấp tỉnh, huyện

- Hội nghị lập kế hoạch triển khai chương trình vệ sinh, hội nghị tổng kết việc thực hiện chương trình cấp tỉnh/huyện được tổ chức để có được sự cam kết của chính quyền và các bên liên quan tạo điều kiện và thực hiện chương trình.

- Xây dựng kế hoạch triển khai, giám sát cấp tỉnh/huyện: Tỉnh tham gia chương trình sẽ chuẩn bị kế hoạch hàng năm cho năm tiếp theo trước ngày 31/7 hàng năm, trong đó có thông tin về đề xuất, ngân sách, mục tiêu DL1 hàng năm và thông tin liên quan khác.

- Ký kết hợp đồng in ấn, sản xuất và phân phối tài liệu, vật liệu truyền thông theo quy định: Toàn bộ các tài liệu/công cụ truyền thông được sử dụng

trong quá trình thực hiện sẽ do Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh in ấn và cấp về cho huyện, xã, thôn theo số lượng được dự trù cụ thể:

- + Danh mục sản phẩm nhà tiêu HVS (sổ tay): Tài liệu này được phát cho cán bộ chuyên trách của xã, CHTI, thợ xây và công tác viên bán hàng.

- + Bộ tranh tuyên truyền về vệ sinh và rửa tay bằng xà phòng: Tài liệu này được phát cho cán bộ chuyên trách của xã và tuyên truyền viên thôn bản.

- + Tờ rơi hướng dẫn quy trình lắp đặt các loại nhà tiêu, tờ rơi hướng dẫn cách sử dụng các loại nhà tiêu: Dùng để cấp cho các hộ gia đình trong hoạt động họp thôn, các sự kiện truyền thông hoặc thăm hộ gia đình.

- + Sổ tay hướng dẫn lập kế hoạch và thực hiện hợp phần vệ sinh nông thôn: Tài liệu này được phát cho cán bộ chuyên trách tỉnh, huyện.

- + Sổ tay hướng dẫn lập kế hoạch và thực hiện hợp phần vệ sinh nông thôn: Tài liệu này được phát cho cán bộ xã, thôn.

- + Sổ tay hướng dẫn xây dựng CHTI và mạng lưới bán hàng: Tài liệu này phát cho cán bộ chuyên trách của tỉnh, huyện, CHTI, CTV bán hàng.

- + Định hướng chiến lược truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh hộ gia đình - Rửa tay bằng xà phòng và thúc đẩy thị trường vệ sinh: Tài liệu này được phát cho cán bộ chuyên trách tỉnh, huyện, UBND xã và trạm y tế.

- Xây dựng kế hoạch truyền thông và triển khai các chương trình truyền thông trên kênh thông tin đại chúng:

- + Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Giang xây dựng phóng sự/chuyên đề về vệ sinh dài khoảng 5-10 phút để phát trên Đài Truyền hình tỉnh.

- + Viết tin bài về vệ sinh đăng trên báo Hà Giang.

- + Phát clip truyền thông (trong vòng 30s - do WSP xây dựng và cung cấp) trên đài truyền hình Hà Giang.

- Tổ chức công nhận xã đạt danh hiệu vệ sinh toàn xã: Sự kiện này do Trung tâm Kiểm soát bệnh tật đứng ra tổ chức tại xã sau khi có quyết định của đoàn thẩm định công nhận xã đạt VSTX.

2.2.2. Các hoạt động truyền thông tại cấp xã

Xã là đơn vị hành chính cơ sở với hệ thống chính trị đồng bộ, có vai trò quyết định. Do đó cần thiết xây dựng cấp xã là cấp thực hiện cơ bản trong các Chương trình Vệ sinh nông thôn (VSNT), trong đó Trạm Y tế xã trở thành tổ chức thực hiện VSNT chủ chốt, tiên phong trong việc vận động người dân xây và sử dụng nhà tiêu cải thiện và thay đổi hành vi vệ sinh một cách bền vững. Các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của cộng đồng về nhà tiêu cải thiện do cán bộ y tế cấp xã làm đầu mối tổ chức, điều hành với sự tham gia của các tổ chức chính trị xã hội như hội phụ nữ, cụ thể như sau:

- Hội nghị triển khai chương trình vệ sinh của xã: Hội nghị này được thực hiện với nội dung và hình thức tương tự như hội nghị cấp tỉnh/huyện.

- Phát tin, bài qua loa truyền thanh: Tại các xã có hệ thống loa truyền thanh, sẽ đưa những tiểu phẩm do chương trình đã xây dựng, những bản tin, những quy định pháp luật, những tấm gương điển hình hoặc đơn giản là giới thiệu mô hình chuỗi cung ứng... liên quan đến vệ sinh. Các bản tin sẽ do cán bộ y tế xã biên soạn và chịu trách nhiệm phát.

- Lắp đặt pano, áp phích nơi công cộng để tuyên truyền được cung cấp từ Chương trình.

2.2.3. Các hoạt động truyền thông tại cấp thôn

Phần lớn các nỗ lực BCC sẽ được tập trung vào những mục tiêu phát huy hiệu quả nhất trong thay đổi hành vi ở hộ gia đình, thôn/bản, ở cấp xã; trường mẫu giáo, tiểu học sau khi tiếp nhận các công trình mới trong chương trình. Cách tiếp cận chung là thông qua chiến dịch truyền thông thay đổi hành vi được thực hiện bởi các cán bộ y tế thôn/bản, được hỗ trợ bởi cộng tác viên, hội phụ nữ, các đơn vị liên quan.

- Vẽ bản đồ vệ sinh thôn bản: Bản đồ vệ sinh thôn thể hiện được tình hình vệ sinh của từng hộ gia đình: có nhà tiêu cải thiện, có nhà tiêu không hợp vệ sinh, hoặc chưa có nhà tiêu. Mỗi thôn sẽ xây dựng bản đồ vệ sinh của thôn mình và cập nhật sự thay đổi tình hình vệ sinh thôn theo định kỳ hàng quý. Bản đồ thôn sẽ được tuyên truyền viên sử dụng trong các cuộc họp thôn chuyên về vệ sinh, trong các buổi họp lồng ghép và được treo ở nhà văn hóa thôn.

- Các cuộc họp thôn chuyên đề về vệ sinh: Hội thôn chuyên đề về vệ sinh sẽ do cán bộ y tế thôn bản cùng với trưởng thôn điều hành. Mỗi thôn sẽ tổ chức ít nhất 2 cuộc họp thôn chuyên đề về vệ sinh. Cuộc họp thứ nhất tập trung nâng cao nhận thức và tuyên truyền các lợi ích của nhà tiêu cải thiện và giới thiệu bản đồ vệ sinh thôn. Cuộc họp thứ 2 sẽ tập trung cung cấp các thông tin về các cơ sở cung ứng nhà tiêu, giá thành và phương án mua hàng. Thu được cam kết và kế hoạch xây dựng nhà tiêu của người dân, cập nhật bản đồ thôn vệ sinh thôn và nâng cao nhận thức của người dân về cách sử dụng và bảo quản nhà tiêu đúng cách. Hội thôn chuyên đề về vệ sinh sẽ được thực hiện ở năm đầu tiên của các xã can thiệp. Những năm sau không họp chuyên đề mà họp lồng ghép trong các cuộc họp của các tổ chức đoàn thể hoặc các cuộc họp khác của thôn.

- Hội lồng ghép (*kết hợp nội dung vệ sinh trong các cuộc họp thôn thông thường*) các cuộc họp thường kỳ trong thôn sẽ đưa thêm các nội dung về vệ sinh vào trong chương trình cuộc họp, để cung cấp các thông tin cập nhật về các vấn đề vệ sinh và tình trạng vệ sinh trong thôn.

- Thăm hộ gia đình: Các tuyên truyền viên thôn bản sẽ đến thăm các hộ dân và vận động hộ dân xây nhà tiêu cải thiện kết nối hộ dân với các cơ sở cung ứng nhà tiêu và các cộng tác viên bán hàng hoặc hướng dẫn cho họ cách tự xây dựng nhà tiêu.

- Tuyên truyền trên loa phát thanh: Tại những xã có hệ thống loa từng thôn bản độc lập sẽ phát tương tự như chương trình được xây dựng ở mục phát qua loa truyền thanh xã.

- Phối hợp với các cộng tác viên bán hàng: Tuyên truyền viên và các ban ngành đoàn thể của thôn sẽ phối hợp với các cộng tác viên bán hàng để giới thiệu về các dịch vụ và sản phẩm vệ sinh giá rẻ thông qua các buổi họp thôn hoặc thăm hộ gia đình hoặc các sự kiện vệ sinh.

2.3. Các hoạt động phát triển thị trường vệ sinh

- Lựa chọn và phát triển các mô hình kinh doanh vệ sinh: Tỉnh sẽ cân nhắc để lựa chọn và phát triển mô hình kinh doanh dựa trên các mô hình gợi ý của chương trình đề xuất như sau:

+ Cửa hàng tiện ích cung cấp dịch vụ trọn gói: CHTI là một mô hình cửa hàng bán lẻ mà tại đó các khách hàng có thể mua tất cả các vật liệu và trang thiết bị cần thiết để xây một nhà tiêu cải thiện hoàn chỉnh. Các cửa hàng này có thể cung cấp các dịch vụ khác nhau như dịch vụ xây dựng, vận chuyển, tư vấn cho hộ gia đình về loại nhà tiêu phù hợp, cách sử dụng và bảo quản nhà tiêu, hỗ trợ tài chính hoặc bảo hành sản phẩm để người dân chọn được loại hình phù hợp với nhu cầu và khả năng tài chính của gia đình mình với mức giá chuẩn và chất lượng tốt. Người dân có thể sử dụng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ của các CHTI tùy theo nhu cầu của gia đình mình. Cách tiếp cận chung của tỉnh nhằm tăng khả năng sử dụng dịch vụ vệ sinh là thông qua mô hình Cửa hàng tiện ích đối với vùng có thị trường mua bán vật liệu và trang thiết bị vệ sinh.

+ Dịch vụ từng phần: Đối với những vùng chưa có thị trường mua bán vật liệu sẽ áp dụng mô hình dịch vụ tại chỗ thông qua các nhóm thợ xây hay tuyên truyền viên ở cộng đồng.

+ Ngoài mô hình CHTI, cách thức tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ vệ sinh có thể sẽ thay đổi theo điều kiện thực tiễn tại từng xã nhằm tăng hiệu quả đạt được của mô hình này, ví dụ hình thành đại lý bán hàng cho các CHTI ở cấp huyện, hoặc việc cung cấp bộ đồ lắp ráp và khuôn trực tiếp cho cộng đồng, cùng với tư vấn từ phía cán bộ y tế thôn/xã hoặc từ các thợ xây đã được đào tạo tại địa phương, để nhà tiêu được xây dựng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Các hoạt động sau sẽ được thực hiện để hỗ trợ phát triển mô hình CHTI:

+ Lựa chọn và thành lập CHTI: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật sẽ hỗ trợ thành lập các CHTI tại xã, lựa chọn mạng lưới hỗ trợ CHTI (cộng tác viên bán hàng cấp thôn và thợ xây). Hệ thống CHTI sẽ được thành lập theo từng năm tương ứng với năm can thiệp tại xã.

+ Đào tạo nâng cao năng lực cho CHTI và mạng lưới hỗ trợ bao gồm: Tập huấn cho CHTI, thợ xây về các loại nhà tiêu HVS, kỹ thuật xây dựng, tập huấn cho CTV bán hàng và CHTI về kỹ năng tiếp thị bán hàng, hướng dẫn CHTI lập kế hoạch kinh doanh.

+ Kết nối nhóm GVQV và CHTI: Đây là hoạt động phối hợp với Hội Phụ nữ xã, thôn tuyên truyền, vận động thành lập hoặc chuyển đổi các nhóm GVQV đã có sẵn, nhằm sử dụng nguồn vốn GVQV cho các thành viên tham gia mục đích xây nhà tiêu cải thiện. Các nhóm sẽ được kết nối với CHTI thông qua cộng tác viên bán hàng, CHTI sẽ cung cấp dịch vụ trả dần cho nhóm.

+ Áp dụng mô hình dịch vụ tại chỗ đối với nơi thị trường chưa phát triển. Thông qua các nhóm thợ xây hay tuyên truyền viên ở cộng đồng bao gồm các hoạt động như:

+ Thợ xây đúc ống bi và lắp đặt ống bi, tẩm đan bê tông hoặc xây dựng tại hộ gia đình; Cho thuê/mượn khuôn đổ ống bi.

+ Cửa hàng bán lẻ kiêm lắp đặt dụng cụ, thiết bị nhà tiêu.

+ Mô hình cửa hàng bán lẻ kiêm việc sản xuất phụ kiện, tẩm nanh bê tông và lắp đặt nhà tiêu quy mô trung bình.

+ Mô hình cơ sở cung cấp dịch vụ đúc ống bi và lắp đặt nhà tiêu tại chỗ-quy mô nhỏ.

Các mô hình trên còn được hỗ trợ, bao gồm cả các dịch vụ tư vấn kỹ thuật nhà tiêu của cán bộ y tế, thợ xây, dịch vụ hỗ trợ tài chính, vận chuyển, dịch vụ hút, thông tắc bể phốt....

- Mô hình người dân tự xây dựng nhà tiêu HVS: Các hộ dân sẽ tự mua nguyên vật liệu và sẽ quyết định lựa chọn loại nhà tiêu, loại nguyên vật liệu với giá cả phù hợp với điều kiện của gia đình. Hộ gia đình tự tìm hiểu về kỹ thuật xây dựng, thông thường qua hàng xóm, thợ xây và các tài liệu truyền thông của ngành y tế. Sau đó hộ gia đình sẽ thực hiện việc xây dựng nhà tiêu. Loại nhà tiêu thông thường là nhà tiêu hai ngăn ủ phân tại chỗ hoặc nhà tiêu thấm dội với kỹ thuật đơn giản. Việc hộ gia đình tự xây nhà tiêu cần được khuyến khích do tiết kiệm được chi phí, hộ gia đình hiểu biết hơn trong sử dụng, duy trì. Mô hình này cũng rất thích hợp với việc nâng cấp, sửa chữa nhà tiêu là công việc mà thợ xây ít muốn làm. Tuy nhiên lưu ý là cần có hoạt động truyền thông cho hộ gia đình về kỹ thuật xây dựng nhà tiêu để đảm bảo nhà tiêu được xây đúng kỹ thuật.

2.4. Các hoạt động truyền thông trong trường học

2.4.1. Kế hoạch triển khai các hoạt động truyền thông tại cấp tỉnh, huyện năm 2018

- Tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi về nước sạch, vệ sinh trong trường học năm 2018 đến các huyện và các trường trong vùng dự án. Cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tổ chức sau đó về triển khai tại trường học thuộc 3 cấp học chính (Mầm Non, tiểu học và THCS).

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ chuyên môn 03 phòng GD huyện, ban giám hiệu, giáo viên và cán bộ y tế trường học của 39 trường thuộc 12 xã VSTX năm 2017 về các nội dung liên quan đến chương trình vệ sinh và nước sạch trong trường học.

- In ấn và cung cấp tài liệu tuyên truyền: Trên cơ sở các bộ tài liệu của chương trình được thiết kế dành cho ngành Giáo dục. Bộ Y tế phát cho ngành giáo dục các tỉnh. Sở giáo dục và Đào tạo căn cứ vào kế hoạch, số lượng cụ thể năm 2017 để in ấn tài liệu và cung cấp cho các trường thuộc địa bàn tại 12 xã “Vệ sinh toàn xã”. Tài liệu tuyên truyền gồm tài liệu hướng dẫn Giáo dục vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường dùng trong các trường Mầm non, Tiểu học và THCS.

Tài liệu tập huấn cho giáo viên nguồn; Giáo viên trực tiếp đứng giảng các cấp học; Tài liệu truyền thông cho học sinh, giáo viên và cho cha mẹ học sinh.

- Cử cán bộ phòng GD&ĐT các huyện, cán bộ sở GD&ĐT định kỳ kiểm tra, giám sát để nắm bắt tình hình triển khai tại cấp trường, kịp thời báo cáo và điều chỉnh các nội dung hoạt động cho phù hợp với học sinh các cấp học.

2.4.2. Kế hoạch triển khai các hoạt động truyền thông tại cấp Trường

- Các trường sau khi tham gia tập huấn tại cấp trên tiến hành tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi về nước sạch, vệ sinh trong trường học năm 2017 cho các giáo viên từ đó có kế hoạch cụ thể truyền thông cho cả năm học cụ thể các nội dung chủ yếu sau:

- Thông qua các buổi chào cờ đầu tuần, các giờ học ngoại khóa, các hoạt động tập thể, hoạt động nhóm học sinh, vẽ tranh, tìm hiểu về sử dụng bảo quản nguồn nước ăn uống, sinh hoạt, nhà tiêu hợp vệ sinh, cách sử dụng các dụng cụ để làm vệ sinh để thúc đẩy việc học sinh tự giác giữ gìn vệ sinh cá nhân, giữ gìn nhà tiêu trường học luôn sạch đẹp. Hoạt động này cũng góp phần đảm bảo các công trình nước và vệ sinh được đầu tư từ Chương trình được duy tu, bảo dưỡng và hoạt động bền vững.

- Tổ chức cuộc thi: Tổ chức hội thi tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vệ sinh trường học, tìm hiểu về thay đổi hành vi về vệ sinh các nhân (rửa tay bằng xà phòng), sử dụng và bảo quản đúng cách các công trình nước và nhà vệ sinh trong trường học tại 12 trường thuộc 12 xã thực hiện VSTX năm 2017.

- Hoạt động ngoại khóa: Dự kiến tổ chức thi vẽ tranh về thay đổi hành vi về vệ sinh các nhân (rửa tay bằng xà phòng), sử dụng và bảo quản đúng cách các công trình nước và nhà vệ sinh trong trường học cho 6 trường Mầm non và Tiểu học thuộc xã VSTX năm 2017.

- Các phòng GD&ĐT huyện, giáo viên các trường lập kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động tại các trường và các trường giám sát lẫn nhau.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Đối với hoạt động truyền thông vệ sinh tại cộng đồng do Ngành Y tế thực hiện

Bảng 1. Nguồn kinh phí hoạt động truyền thông tại cộng đồng của Ngành Y tế năm 2018

STT	Cấp hoạt động	Số tiền	Nguồn kinh phí		Ghi chú
			Trung ương	Địa phương	
1	Cấp tỉnh	497.585.000	497.585.000	0	
2	Cấp huyện	58.320.000	58.320.000	0	
3	Cấp xã	404.710.000	404.710.000	0	
Cộng		960.615.000	960.615.000	0	

(Chi tiết Phụ lục VA, VB kèm theo)

2. Đối với hoạt động truyền thông vệ sinh tại Trường học do Ngành Giáo dục và Đào tạo thực hiện

Bảng 2. Nguồn kinh phí hoạt động truyền thông tại cộng đồng của Ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2018

STT	Cấp hoạt động	Số tiền	Nguồn kinh phí		Ghi chú
			Trung ương	Địa phương	
1	Cấp tỉnh	206.605	206.605	0	
2	Cấp huyện			0	
3	Cấp xã	279.900	279.900	0	
	Cộng	486.505	486.505	0	

(Chi tiết Phụ lục VA, VB kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ngành Y tế

1.1. Sở Y tế

- Chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật làm đầu mối chịu trách nhiệm hướng dẫn và thực hiện các hoạt động vệ sinh trong Chương trình.

- Chỉ đạo các đơn vị y tế tuyến huyện hưởng lợi triển khai hoạt động của Chương trình.

1.2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh

- Là cơ quan đầu mối tổng hợp và hoàn thiện kế hoạch Truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh của Ngành Y tế và Sở Giáo dục & Đào tạo để trình cấp có thẩm quyền của tỉnh phê duyệt;

- Là đầu mối tổ chức thực hiện hoạt động truyền thông thay đổi hành vi;

- Phối hợp với Trung tâm Y tế huyện và UBND xã phát triển thị trường vệ sinh;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan của tỉnh xây dựng kế hoạch và ngân sách hàng năm về thực hiện hợp phần vệ sinh;

- Kiểm tra, giám sát và đánh giá tiến độ của các hoạt động vệ sinh;

- Phối hợp với các bên liên quan; cung cấp hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát kỹ thuật cho cấp huyện và xã trong thực hiện các hoạt động vệ sinh nông thôn.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai các hoạt động về vệ sinh trường học; Chỉ đạo Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh hỗ trợ trường học vận hành và bảo dưỡng các công trình nước. Phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật) về xây dựng Kế hoạch truyền thông về vệ sinh lớp học.

3. Ủy ban nhân dân huyện

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo các phòng, ban của huyện, Trung tâm Y tế huyện và Ủy ban nhân dân các xã, Trạm y tế, trường học phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan triển khai thực hiện công tác truyền thông thay đổi hành vi nước sạch, vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân trên địa bàn các huyện.

- Kiểm tra, giám sát các xã triển khai Chương trình, bố trí các nguồn lực khác cho các xã thực hiện đạt các tiêu chí của Chương trình quy định.

4. Trung tâm Y tế huyện

- Chịu trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân huyện và chỉ đạo Trạm y tế các xã triển khai Chương trình phối hợp với các ban ngành liên quan triển khai thực hiện công tác truyền thông thay đổi hành vi nước sạch, vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân trên địa bàn các huyện.

- Kiểm tra, giám sát hỗ trợ kỹ thuật cho các xã thực hiện Chương trình.

- Phối hợp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và UBND xã lựa chọn và phát triển thị trường vệ sinh.

5. UBND xã

- Tổ chức các nội dung truyền thông thay đổi hành vi cấp xã, vận động các hộ gia đình xây dựng, cải tạo nhà tiêu hợp vệ sinh và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh rửa tay bằng xà phòng.

- Kiểm tra, giám sát đôn đốc các thôn thực hiện các tiêu chí của Chương trình.

- Phối hợp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Y tế huyện lựa chọn CHTI, phát triển thị trường vệ sinh tại xã và các xã lân cận.

6. Trạm Y tế xã

- Tham mưu cho UBND xã xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình trên địa bàn xã.

- Hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh và truyền thông thay đổi hành vi cho các thôn.

- Kiểm tra, giám sát các thôn thực hiện các tiêu chí của Chương trình.

7. Trưởng thôn và YTTB

- Lập được bản đồ vệ sinh thôn để đánh giá tỷ lệ sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh và rửa tay bằng xà phòng của thôn.

- Hợp thôn tuyên truyền các hộ xây dựng, cải tạo và sử dụng bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh, rửa tay bằng xà phòng.

- Lập danh sách các hộ chưa có nhà tiêu và nhà tiêu không hợp vệ sinh để có kế hoạch vận động và truyền thông cho từng hộ gia đình.

- Kiểm tra, giám sát đôn đốc các hộ gia đình trong thôn đăng ký xây dựng cải tạo nhà tiêu hợp vệ sinh thực hiện đúng tiến độ.

8. Các ban ngành liên quan

Trong thực hiện kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh (BCC) các cấp bao gồm Hội liên hiệp phụ nữ và các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức tín dụng, NHCSXH và khu vực tư nhân như các nhà sản xuất, cung cấp, cửa hàng tiện ích, thợ xây... từ tuyến tỉnh, huyện đến xã, thôn phối hợp tổ chức thực hiện.

Trên đây là bản kế hoạch Truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh nông thôn Chương trình “Mở rộng quy mô Vệ sinh và Nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” vay vốn Ngân hàng Thế giới tỉnh Hà Giang năm 2018./. 

Nơi nhận:

- Cục Quản lý môi trường Y tế;
- Vụ quản lý HSSV (Bộ Giáo dục&ĐT);
- UBND tỉnh;
- Sở NN&PTNT;
- Sở Y tế;
- Sở Tài chính;
- Sở GD&ĐT;
- Trung tâm NS&VSMTNT;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;
- UBND huyện Vị Xuyên, Bắc Quang, Quang Bình;
- TTYT huyện Vị Xuyên, Bắc Quang, Quang Bình;
- Website SYT;
- Lưu: VT, NVY.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Lương Viết Thuần**

Phụ lục IA
ĐỊA BÀN, CHỈ TIÊU VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TỪ NĂM 2017
VÀ TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2018

STT	Địa bàn thực hiện	Số thôn	Tổng số hộ	Số nhà tiêu HVS	Số nhà tiêu được hỗ trợ	Số nhà tiêu được hỗ trợ đã thực hiện	Số nhà tiêu không hỗ trợ đã thực hiện	Tỷ lệ nhà tiêu HVS đến tháng 7/2018 (%)	Số nhà tiêu cần vận động		Mục tiêu % nhà tiêu HVS cuối năm
									Số nhà tiêu được hỗ trợ chưa thực hiện	Số nhà tiêu cần vận động không có hỗ trợ	
I	BẮC QUANG										
1	Xã Vô Điểm	9	1379	695	250	65	123	55.11	185	90	70,34
2	Xã Đông Thành	7	582	355	100	61	0	57.00	39	30	72,85
3	Xã Vĩnh Hảo	9	1169	725	70	70	0	68.01	0	30	70,57
4	Xã Việt Hồng	7	622	390	60	46	0	70.10	14	0	72,35
II	QUANG BÌNH										
5	Xã Vĩ Thượng	8	1300	780	90	40	0	63.08	50	70	72,31
6	Xã Hương Sơn	6	584	360	80	47	0	69.69	33	0	75,34
III	VỊ XUYÊN										
7	Xã Phương Tiến	8	667	260	150	04	10	41.08	146	65	70,61
8	Xã Trung Thành	12	1412	697	80	21	03	51.00	59	235	70,18
9	Xã Linh Hồ	17	1906	900	250	25	15	49.32	225	225	70,83
CỘNG		83	9621	5162	1130	379	151	59,16	751	745	74,71

Phụ lục IB

ĐỊA BÀN, CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐĂNG KÝ MỚI TRONG NĂM 2018

STT	Địa bàn thực hiện	Số thôn	Tổng số hộ	Số nhà tiêu HVS	Tỷ lệ nhà tiêu HVS đầu năm (%)	Số nhà tiêu được hỗ trợ	Tỷ lệ nhà tiêu HVS sau khi hỗ trợ	Số nhà tiêu cần vận động để đạt tiêu chí	Mục tiêu % nhà tiêu HVS cuối năm
I	BẮC QUANG								
1	Xã Quang Minh	20	2385	1452	60,0	70	63,81	154	70,27
2	Xã Kim Ngọc	9	1247	770	61,7	100	69,97	10	70,57
3	Xã Hữu Sản	11	563	337	59,0	100	77,61	0	77,62
4	Xã Tân Quang	8	1263	935	64,8	50	77,98	0	77,99
5	Xã Tân Thành	12	961	517	53,8	70	61,08	87	70,14
II	QUANG BÌNH								
6	Xã Tiên Nguyên	14	974	564	57,9	150	73,30	0	73,31
7	Xã Tân Trinh	10	1098	678	61,7	110	71,76	0	71,77
III	VỊ XUYỀN								
8	Xã Bạch Ngọc	6	872	188	21,5	350	61,69	80	70,87
9	Xã Ngọc Minh	7	962	307	31,9	250	57,90	120	70,37
10	Xã Phong Quang	6	604	271	44,8	200	77,98	0	77,98
CỘNG		97	10829	6019	55,58	1.450	68,97	451	73,13

28

Phụ lục IC
PHẠM VI VÀ CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TOÀN TỈNH
DO NGÀNH Y TẾ THỰC HIỆN NĂM 2018

TT	Huyện	Số xã thực hiện can thiệp		Số xã đạt vệ sinh toàn xã	Số thôn trong xã đạt vệ sinh toàn xã	Số hộ được hưởng lợi	Số dân được hưởng lợi	Tổng kinh phí
		Số xã đăng ký mới	Số xã chuyển tiếp					
1	Vị Xuyên	03	03	06	56	6.469	28.817	960.615.000
2	Bắc Quang	05	04	09	92	10.252	41.972	
3	Quang Bình	02	02	04	38	3.962	16.841	
Tổng cộng		10	9	19	186	20.683	87.630	

22

Phụ lục II
KẾ HOẠCH CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI CẤP TỈNH
DO NGÀNH Y TẾ THỰC HIỆN NĂM 2018

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí (triệu đồng)	Hồ sơ lưu
				Đầu mối	Phối hợp		
1	Hội nghị tổng kết năm 2017 và triển khai kế hoạch năm 2018	01 Hội nghị	Tháng 8/2018	Sở Y tế	Trung tâm KSBT	Lồng ghép với cuộc họp giao ban của ngành	- Biên bản họp - Danh sách đại biểu
2	Tập huấn truyền thông thay đổi hành vi và phát triển thị trường vệ sinh cho cán bộ tỉnh, huyện Tập huấn TOT cho cán bộ nông cốt tuyến tỉnh/huyện nâng cao năng lực truyền thông vệ sinh môi trường, lập kế hoạch và báo cáo.	- 01 lớp/năm	Tháng 9/2018	TKSBT		30,370	- Giấy mời - Báo cáo kết quả tập huấn - Danh sách học viên tham gia khóa tập huấn
3	Các hoạt động truyền thông về vệ sinh cấp tỉnh						
3.1	Chương trình truyền thông (trên kênh thông tin đại chúng)	Mỗi tháng 1 lần/ năm		TKSBT	- Truyền hình Hà Giang - Báo Hà Giang	15	- Bài truyền thông - Báo cáo kết quả
3.2	Sản xuất tài liệu truyền thông và phân phối tài liệu truyền thông. - Danh mục sản phẩm nhà tiêu HVS - Bộ tranh tuyên truyền về vệ sinh và rửa tay bằng xà phòng - Tờ rơi hướng dẫn quy trình lắp đặt các loại nhà tiêu - Tờ rơi hướng dẫn cách sử dụng các loại nhà tiêu	- 137 bộ - 107 bộ - 2000 tờ - 1000 tờ	Tháng 9/2018	TKSBT	TTYT huyện, Trạm Y tế xã, Trường học	108,340	- Kế hoạch phân bố - Mẫu tài liệu truyền thông

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí (triệu đồng)	Hồ sơ lưu
				Đầu mối	Phối hợp		
	- Sổ tay hướng dẫn lập kế hoạch và thực hiện hợp phần vệ sinh nông thôn - Sổ tay hướng dẫn xây dựng CHTI và mạng lưới bán hàng - Định hướng chiến lược truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh hộ gia đình - Rửa tay bằng xà phòng và thúc đẩy thị trường vệ sinh. - Lắp đặt áp phích	- 107 quyển - 30 quyển - 10 quyển - 20 cái					
-	Lắp đặt áp phích	2 áp phích x 10 xã	Tháng 9/2018	TKSBT	TTYT huyện, Trạm Y tế xã, Trường học	40	- Ảnh chụp - Báo cáo
4	Tập huấn cho cửa hàng tiện ích, thợ xây và cộng tác viên bán hàng về các loại nhà tiêu HVS	- Số lớp: 01 lớp x 01 ngày - Số người tham dự: 43 người	Tháng 8/2018	TKSBT	TTYT huyện	164,280	- Báo cáo kết quả tập huấn - Danh sách học viên tham gia khóa tập huấn
5	Hỗ trợ xây dựng kế hoạch triển khai và kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình tại tuyến huyện, xã						
5.1	Kiểm tra, giám sát và lấy mẫu nước tại hộ gia đình, trạm y tế xã và trường học	- 15 đợt/5 tháng	- Tháng 8/2018	TTKSBT	- TTYT huyện và 10 trạm y tế xã	34,050	- Biên bản giám sát từng lần
5.2	Ban giám đốc đi kiểm tra, giám sát truyền thông và kiểm tra tình trạng vệ sinh trạm y tế, trường học	- 04 lần/năm	- Tháng 6,7,8,9/2018	TTKSBT	TTYT huyện và 10 trạm y tế xã	10,320	- Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát
5.3	Ban giám đốc và cán bộ đi dự hội nghị, hội thảo tại TW (Các bộ, ngành tổ chức)	- 04 lần/năm	Tháng 8,9,10,11/	TKSBT		24,920	- Giấy mời, kế hoạch tham dự

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí (triệu đồng)	Hồ sơ lưu
				Đầu mối	Phối hợp		
			2018				
5.4	Cán bộ TTKSBT tỉnh đi xuống huyện tổ chức triển khai Chương trình năm 2018.	- 02 lần/ năm	Tháng 7,8/2018	TKSBT	TTYT huyện và 10 trạm y tế xã	9,120	- Kế hoạch triển khai công tác - Báo cáo
5.5	Xét nghiệm nước theo quy chuẩn nước sinh hoạt (QCVN 02:2009/BYT) tại Trường học và Trạm Y tế các xã thực hiện vệ sinh toàn xã trong năm	- 1 mẫu/trạm x 10 trạm - 1 mẫu/ trường x 30 trường	Tháng 11/2018	TKSBT	TTYT huyện, Trạm Y tế xã, Trường học	101,6	- Biên bản lấy mẫu - Phiếu kết quả xét nghiệm
6	Hướng dẫn và hỗ trợ lựa chọn mô hình kinh doanh và hoạt động phát triển thị trường.	- 4 đợt/ năm	Tháng 7,8,9,10	TKSBT	TTYT huyện và 10 trạm y tế xã	11,6	Kế hoạch khảo sát
CỘNG						509.600	

28

Phụ lục IIIA
PHẠM VI VÀ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH THEO CẤP HUYỆN NĂM 2018

TT	Tên xã thực hiện can thiệp	Số thôn trong xã	Tổng số hộ trong xã	Số dân hưởng lợi trong xã	Tỷ lệ nhà tiêu HVS đầu năm (%)	Mục tiêu % nhà tiêu HVS cuối năm
I Xã đăng ký đạt VSTX trong năm 2018						
1	Quang Minh huyện Bắc Quang	20	2385	9406	65	>70%
2	Kim Ngọc huyện Bắc Quang	9	1247	5169	65	>70%
3	Hữu Sản huyện Bắc Quang	11	563	2814	68	>70%
4	Tân Quang huyện Bắc Quang	8	1263	4576	69	>70%
5	Tân Thành huyện Bắc Quang	12	961	4115	67	>70%
6	Tiên Nguyên huyện Quang Bình	14	974	4668	43.01	>70%
7	Tân Trịnh huyện Quang Bình	10	1097	5120	66.08	>70%
8	Bạch Ngọc huyện Vị Xuyên	6	856	4.185	21.5	>70%
9	Ngọc Minh huyện Vị Xuyên	7	1010	4.492	31.9	>70%
10	Phong Quang huyện Vị Xuyên	6	604	2.595	44.8	>70%
II Xã chuyển tiếp (Những xã đăng ký từ năm 2017 nhưng chưa đạt VSTX)						
11	Vô Diêm huyện Bắc Quang	9	1379	5697	52.5	>70%
12	Đông Thành huyện Bắc Quang	7	582	2.444	57	>70%
13	Vĩnh Hảo huyện Bắc Quang	9	1169	5.169	68	>70%
14	Việt Hồng huyện Bắc Quang	7	622	2.582	70	>70%

TT	Tên xã thực hiện can thiệp	Số thôn trong xã	Tổng số hộ trong xã	Số dân hưởng lợi trong xã	Tỷ lệ nhà tiêu HVS đầu năm (%)	Mục tiêu % nhà tiêu HVS cuối năm
15	Vĩ Thượng huyện Quang Bình	8	1300	4.467	63	>70%
16	Hương Sơn huyện Quang Bình	6	584	2.586	76.5	>70%
17	Phương Tiến huyện Vị Xuyên	8	667	3.060	41	>70%
18	Trung Thành huyện Vị Xuyên	12	1412	6.121	51	>70%
19	Linh Hồ huyện Vị Xuyên	17	1906	8.364	47	>70%
III	Xã duy trì VSTX					
20	Đồng Yên huyện Bắc Quang	8	1876	8230	71.4	>70%
21	Xuân Giang huyện Quang Bình	9	1122	5148	81.5	>70%
22	Thanh Thủy huyện Vị Xuyên	7	576	2514	92	>70%

25

Phụ lục IIIB
KẾ HOẠCH CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI
DO NGÀNH Y TẾ CẤP HUYỆN THỰC HIỆN NĂM 2018

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí (triệu đồng)	Hồ sơ lưu
				Đầu mối	Phối hợp		
1	Họp triển khai chương trình cấp huyện	01 lần	Tháng 9/2018	UBND huyện	TTYT huyện	Lồng ghép với các cuộc họp tuyến huyện	- Biên bản họp - Danh sách các đại biểu
2	Xây dựng kế hoạch triển khai; kiểm tra, giám sát hỗ trợ các xã thực hiện Chương trình	- Giám sát: 12 đợt	- Giám sát hàng tháng với xã thực hiện VSTX	TTYT huyện	UBND, trạm y tế và thôn bản	14,760	- Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hỗ trợ
3	Hướng dẫn và hỗ trợ hoạt động phát triển thị trường.	- 6 Đợt/ năm	-	TTYT huyện	UBND, trạm y tế và thôn bản	3,720	- Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả
4	Hỗ trợ chi phí kiểm tra giám sát xây dựng mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh cho ban điều hành của 3 huyện: Vị Xuyên, Bắc Quang và Quang Bình (Thành phần: UBND huyện, Phòng Nông Nghiệp, Phòng Giáo dục, Lái xe, TTYT mỗi đơn vị 01 người)	9 đợt/ năm	Thời gian hàng tháng	TTYT huyện	Ban điều hành	25,470	-Kế hoạch giám sát, báo cáo kết quả
Cộng						43,950	

Phụ lục IIC
KẾ HOẠCH CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI
CẤP XÃ, THÔN THỰC HIỆN NĂM 2018

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí (triệu đồng)	Hồ sơ lưu
				Đầu mối	Phối hợp		
A	HOẠT ĐỘNG CẤP XÃ						
I	ĐỐI VỚI XÃ ĐĂNG KÝ MỚI 2018						
1	Hội nghị giới thiệu và triển khai Chương trình năm 2018 (10 xã). (Tỉnh 3 người * 10 xã) + (huyện 3 người * 10 xã) + (xã 20 người * 10 xã) + thôn (4 người * 97 thôn) = 648 người)	10 lần x 10 xã / năm	Tháng 8/2018	UBND xã	TYT xã các ban ngành xã	86,800	Biên bản hội nghị, danh sách đại biểu tham dự
2	Cam kết để đạt VSTX từ UBND xã		Tháng 8/2018	UBND xã	TTYT huyện	0	- Bản cam kết có chữ ký và dấu từ UBND xã
3	Hoạt động truyền thông cấp xã tại các xã VSTX						
-	Phát thông điệp, tuyên truyền trên loa phát thanh của xã	60 lần	Hàng tháng	UBND xã	TYT xã Ban văn hóa thông tin xã	4,5	- Bài tuyên truyền - Báo cáo kết quả
4	Tập huấn cho cán bộ xã và tuyên truyền viên: - UBND xã: 02 người/10 lớp (01 lãnh đạo xã, 01 CB VH xã)= 20 người; - Trạm Y tế xã: 02 người/10 lớp = 20 người; - Thôn, bản: 194/10 lớp (01 trưởng thôn, 01 y tế thôn bản); Tổng = 234 người/ 10 lớp x 1 ngày/lớp = 234 người	10 lớp/ năm	Tháng 9/ 2018	TTKSBT	TTYT huyện, UBND xã các ban ngành xã TYT xã	57,550	- Kế hoạch tập huấn, báo cáo lớp tập huấn Danh sách học viên
5	Hoạt động truyền thông cấp thôn tại các xã VSTX						

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí (triệu đồng)	Hồ sơ lưu
				Đầu mối	Phối hợp		
5.1	Vẽ bản đồ vệ sinh thôn bản	97 chiếc	Tháng 9/2018	YTTB và Trưởng thôn	UBND xã các ban ngành xã, TYT xã	115,505	- Số lượng bản đồ
5.2	Hợp dân tuyên truyền về vệ sinh 1 lần/thôn/năm + 01 lần lồng ghép với các cuộc họp trong thôn/ năm	194 cuộc	Theo thời gian hàng tháng	Trưởng thôn	YTTB xã các ban ngành thôn	33,95	- Biên bản họp thôn của 02 lần
5.3	Thăm hộ gia đình vận động xây và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh	- 01 TTV/thôn/12 tháng	Hàng tháng	YTTB	Trưởng thôn	91,115	- Phiếu thăm hộ gia đình hàng tháng - Báo cáo kết quả
6	Chi hỗ trợ cán bộ trong ban điều hành đi kiểm tra giám sát mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh tại thôn 06 người/xã x 02 ngày/xã x30,000 đ/ người/ ngày+ Tổng 1 đợt : 360.000 đồng - Mỗi xã giám sát 01 đợt / tháng x 06 tháng - Mỗi đợt giám sát 60 hộ gia đình	60 đợt	Theo thời gian hàng tháng	UBND xã	TYT xã các ban ngành xã	21,6	- Kế hoạch kiểm tra - Báo cáo giám sát
Cộng						509,600	
II	ĐỐI VỚI XÃ CHUYỂN TIẾP TỪ 2017						
1	Hợp triển khai chương trình vệ sinh nông thôn (Có thể là cuộc họp lồng ghép với những cuộc họp khác của xã nhằm mục đích thông báo kế hoạch tiếp tục thực hiện để đạt tiêu chí xã VSTX) *	01	(Lồng ghép thực hiện)	UBND xã	TYT xã các ban ngành xã	0	
2	Phát chương trình vệ sinh trên loa phát thanh của xã *	09 xã x 6 lần/ xã	(Lồng ghép thực hiện)	UBND xã	Ban văn hóa thông tin xã	0	

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí (triệu đồng)	Hồ sơ lưu
				Đầu mối	Phối hợp		
3	Hoạt động hỗ trợ CHTI tại những xã của năm trước để duy trì tính bền vững của mô hình này	09	Lồng ghép	UBND xã	TYT xã các ban ngành xã	0	
4	Giám sát đối với những xã chuyển tiếp (những xã của năm trước chưa đạt VSTX)		(Lồng ghép thực hiện)	UBND xã	TYT xã các ban ngành xã	0	
	<i>Các hoạt động khác nếu địa phương thấy cần thiết phải thực hiện</i>						
III	ĐỐI VỚI XÃ DUY TRÌ VSTX						
1	Giám sát xã để duy trì tính bền vững với các xã đã đạt vệ sinh toàn xã (Kiểm tra/ giám sát tại trường học và trạm y tế)						
	<i>Các hoạt động khác nếu địa phương thấy cần thiết phải thực hiện,</i>						
B	HOẠT ĐỘNG CẤP THÔN						
1	Cập nhật bản đồ vệ sinh thôn/bản *	110	(Lồng ghép thực hiện)	Trưởng thôn	YTTB	0	
2	Họp thôn về vệ sinh (ít nhất 1 cuộc họp lồng ghép, 1 cuộc họp chuyên đề về vệ sinh/ thôn) *	1 lần/ thôn/ năm	(Lồng ghép thực hiện)	Trưởng thôn	YTTB bản và các ban ngành đoàn thể trong thôn	0	
3	Thăm hộ gia đình vận động xây và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh *		(Lồng ghép thực hiện)	YTTB	Trưởng thôn	0	
4	Tiếp tục tuyên truyền về dịch vụ xây nhà tiêu của cửa hàng tiện ích		(Lồng ghép thực hiện)	Y TTB	Trưởng thôn	0	
5	Giám sát thực hiện		(Lồng ghép thực hiện)	TYT xã	Trưởng thôn, YTTB	0	

Phụ lục IVA
PHẠM VI CÁN THIỆP HOẠT ĐỘNG THỨC ĐẦY VỆ SINH TRONG TRƯỜNG HỌC
ĐO NGÀNH GIÁO DỤC THỰC HIỆN NĂM 2018

TT	Huyện	Xã		Tên trường (thuộc các xã đăng ký VSTX mới)	Số học sinh
		Xã đăng ký VSTX mới	Xã chuyển tiếp		
1	Huyện Vị Xuyên	3 xã	3 xã	Trường Mầm non Bạch Ngọc	360
				Trường PTDTBT TH Bạch Ngọc	231
				Trường PTDTBTTHCS Bạch Ngọc	239
				Trường Mầm non Ngọc Minh	351
				Trường TH Ngọc Minh	421
				Trường THCS Ngọc Minh	286
				Trường Mầm non Phong Quang	190
				Trường TH Phong Quang	251
				Trường THCS Phong Quang	184
2	Huyện Bắc Quang	5 xã	4 xã	Mầm non Kim Ngọc	358
				Tiểu học Kim Ngọc	384
				THCS Kim Ngọc	241
				Mầm non Quang Minh	612
				Tiểu học HOÀNG VĂN THỤ -Quang Minh	230
				TH MINH LẬP	204

				TH Tân Tiến	277
				THCS Quang Minh	380
				Mầm non Hữu Sản	231
				Tiểu học Hữu Sản	206
				THCS Hữu Sản	115
				Mầm non Tân Quang	379
				TH Tân Quang	385
				THCS Tân Quang	368
				Mầm non Tân Thành	215
				PTCS Tân Thành	363
3	Huyện Quang Bình	2 xã	2 xã	MN Tiên Nguyên	327
				TH Tiên Yên	327
				THCS Tiên Nguyên	203
				MNTân Trịnh	336
				TH Tân Trịnh	339
				THCS Tân Trịnh	237

28

Phụ lục IVB
KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI THỨC ĐÀ Y VỆ SINH TRONG TRƯỜNG HỌC
DO NGÀNH GIÁO DỤC THỰC HIỆN NĂM 2018

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí
				Đầu mối	Phối hợp	
I	HOẠT ĐỘNG CẤP TỈNH, HUYỆN					206.605.000
1	Hội nghị triển khai về chương trình vệ sinh trong trường học.	1 lần/49 trường/91 người	Tháng 9/2018	Phòng GDTrH	Phòng KHTC, TT nước sạch tỉnh	52.235.000
2	Tập huấn ToT cho sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, và Ban giám hiệu các trường học (2 ngày)	1 lần/31 trường/102 người	Tháng 9/2018	Phòng GDTrH	Phòng KHTC, TT nước sạch tỉnh	73.170.000
3	Tập huấn , hướng dẫn về công tác vệ sinh trường học cho cán bộ quản lý và cán bộ y tế trường học					
4	In ấn tài liệu truyền thông (áp phích rửa tay bằng xà phòng; sử dụng nhà tiêu, các video clip...) và hướng dẫn sử dụng cho các trường học	31 trường	Tháng 9/2018	Phòng GDTrH	Phòng KHTC	62.000.000
5	Tổ chức các hoạt động cấp tỉnh, huyện như ngày hội vệ sinh trường học cấp huyện, liên trường	10 cụm	Tháng 10/2018	Các trường thuộc Chương trình		195.000.000
6	Giám sát việc thực hiện hoạt động truyền thông và duy trì nhà vệ sinh, rửa tay xà phòng trường học	1 lần/3 huyện/3 người	Tháng 10/2018	Phòng GDTrH	Phòng KHTC, thanh tra	19.200.000
II	CẤP TRƯỜNG					279.900.000
	Đối với các trường tại những xã mới					
1	Tập huấn về phương pháp thực hiện truyền thông về vệ sinh môi trường trong trường học cho giáo viên, tổng phụ trách đội, y tế trường học các trường (mầm non, tiểu học và THCS) (2 ngày)	1 lần/31 trường/620 người	Tháng 10/2018	Các trường thuộc Chương trình		43.400.000đ

Phụ lục VA
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH KINH PHÍ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI (BCC)
TỈNH HÀ GIANG NĂM 2018

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí		Ghi chú
			Trung ương	Địa phương	
1	Ngành Y tế	960.615.000	960.615.000	0	
2	Ngành Giáo dục & Đào tạo	486.505.000	486.505.000	0	
Tổng cộng		1.447.020.000	1.447.020.000	0	
<i>(Một tỷ, bốn trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng chẵn)</i>					

Phụ lục VB
DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI (BCC)
TỈNH HÀ GIANG NĂM 2018

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-BĐH, ngày /7/2018 của Ban điều hành chương trình SupRSWS tỉnh Hà Giang)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức chi	Thành tiền	Nguồn vốn	
						Vốn WB	Vốn NS tỉnh
	Tổng cộng:				8.174.290	4.158.290	0
B	Hợp phần 2: Vệ sinh nông thôn				6.727.170	2.711.170	0
1	Tiểu hợp phần 1: Hỗ trợ xây dựng nhà tiêu HGD				2.711.170	2.711.170	
	Hỗ trợ hộ gia đình nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách xây dựng nhà tiêu HVS tại 9 xã VSTX năm 2017.(chuyển sang năm 2018)	Cái	1.133	1.050	1.188.670	1.188.670	Đề nghị UBNDT chi ngân sách thực hiện
	Hỗ trợ hộ gia đình nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách xây dựng nhà tiêu HVS tại 10 xã VSTX 2018	Cái	1450	1050	1.522.500	1.522.500	Đề nghị UBNDT chi ngân sách thực hiện
2	Tiểu hợp phần 2: Xây dựng cải tạo công trình vệ sinh trạm y tế xã				4.016.000		
	Xây dựng cải tạo công trình vệ sinh 08 trạm y tế xã năm 2017 (chuyển sang năm 2018)	Trạm	8	250000	2.000.000	Quyết định phân khai vốn của UBND tỉnh(QĐ 721/QĐ-UBND	
	Xây dựng cải tạo công trình vệ sinh 08 trạm y tế xã năm 2018	Trạm	8	252000	2.016.000	Đề nghị UBND tỉnh tạm ứng nguồn vốn	
C	Hợp phần 3: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát						
	Ngành Y tế (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật) thực hiện				960.615	960.615	
I	Tuyển Tỉnh				509.600	509.600	
1	Hội nghị tổng kết năm 2017 và triển khai kế hoạch năm 2018 (Số Y tế: 2, Số GD: 1; TTYTDP: 2; Số NN&PTNT:				0		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức chi	Thành tiền	Nguồn vốn	
						Vốn WB	Vốn NS tỉnh
	1; TTNS&VSMT: 1; Ngân hàng chính sách XH: 1; Sở TC: 1; Sở KH: 1; 3 huyện: 6 = 16 người) (Lồng ghép với các cuộc họp giao ban của ngành Y tế)						
2	Hỗ trợ xây dựng kế hoạch triển khai và kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình tại tuyến huyện, xã				78.410	78.410	
2.1	Kiểm tra, giám sát				44.370	44.370	
2.1.1	Công tác phí cán bộ đi kiểm tra, giám sát, lấy mẫu nước				34.050	34.050	
	CTP: 2 người x 150.000đ x 7 ngày = 2.100.000đ Ngủ xã: 2 người x 4 đêm x 100.000đ = 800.000đ Ngủ huyện: 2 người x 2 đêm x 200.000đ = 800.000đ Xăng xe bình quân: 19,5 lít x 22.000đ x 2 xe = 840.000đ Tổng 1 người đi công tác = 2.270.000đ Nội dung 1 đợt giám sát: + Kiểm tra giám sát 120 HGD xây dựng và cải tạo nhà vệ sinh + Giám sát 01 nhà vệ sinh Trạm y tế xã + Lấy 04 mẫu nước TYT xã và Trường học	Đợt	15	2.270	34.050	34.050	
2.1.2	Công tác phí cho Ban giám đốc đi kiểm tra, giám sát tại các xã.				10.320	10.320	
	CTP: 2 người x 150.000đ x 3 ngày = 900.000đ Ngủ huyện: 2 người x 2 đêm x 200.000đ = 800.000đ Xăng xe: 40 lít x 22.000đ x 1 xe = 880.000đ Tổng 2 người đi công tác = 2.580.000đ Nội dung 1 đợt giám sát: + Kiểm tra giám sát thực hiện chương trình chung (kiểm tra, giám sát xây dựng cải tạo 03 nhà vệ sinh TYT xã và 20 nhà tiêu HGD)	Đợt	4	2.580	10.320	10.320	
2.2	CTP cho Ban giám đốc và cán bộ đi dự hội nghị, hội thảo tại TW (Các bộ, ngành tổ chức)				24.920	24.920	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức chi	Thành tiền	Nguồn vốn	
						Vốn WB	Vốn NS tỉnh
	- Chi công tác phí: 3 người x 3 ngày/lần x 4 lần/năm	Ngày	36	150	5.400	5.400	
	- Chi hỗ trợ tiền ngủ: 3 người x 2 đêm/lần x 4 lần/năm	Đêm	24	300	7.200	7.200	
	- Chi phí đi lại (xăng xe và phí đường bộ) 700 km/lần x 4 lần * 0,2lít /km	Lít	560	22	12.320	12.320	
2,3	Công tác phí của cán bộ TTKSBT tỉnh đi xuống huyện tổ chức triển khai Chương trình năm 2018.				9.120	9.120	
	Phụ cấp lưu trú cho Ban Giám đốc và cán bộ TTYTDP tỉnh (3 người * 4 ngày + 3 người * 3 ngày = 21 ngày).	Ngày	21	150	3.150	3.150	
	Thuê phòng nghỉ của Ban giám đốc và cán bộ triển khai chương trình huyện (3 người * 3 đêm + 3 người * 2 đêm = 15 đêm).	Đêm	15	200	3.000	3.000	
	Xăng xe cho Ban giám đốc đi tổ chức triển khai dự án tại huyện, xã năm 2018	Lít	135	22	2.970	2.970	
3	Tập huấn TOT cho cán bộ nông cốt tuyến tỉnh/huyện nâng cao năng lực truyền thông vệ sinh môi trường, lập kế hoạch và báo cáo (Thời gian tập huấn là 2 ngày/lớp). (Mỗi huyện 3 người: Trung tâm Y tế huyện 2 người, hội phụ nữ huyện 1 người, Sở giáo dục 2 người).				30.370	30.370	
	Hỗ trợ 02 giảng viên (2 ngày)	Buổi	8	500	4.000	4.000	
	Tài liệu VPP cho học viên	Bộ	11	50	550	550	
	Thuê hội trường, máy chiếu	Ngày	2	3.000	6.000	6.000	
	Maket	Cái	1	1.000	1.000	1.000	
	Giải khát	Người	26	20	520	520	
	Phụ cấp lưu trú cho tuyến huyện (9 người * 4 ngày = 36 ngày)	Ngày	36	150	5.400	5.400	
	Chi phí thuê phòng ngủ tuyến tỉnh cho học viên tuyến huyện (9 người * 3 tối = 27 đêm)	Đêm	27	300	8.100	8.100	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức chi	Thành tiền	Nguồn vốn	
						Vốn WB	Vốn NS tỉnh
	Chi vé xe công cộng cho học viên từ các huyện về Hà Giang và ngược lại	Người	9	100	900	900	
	Mua dụng cụ tập huấn (giấy A0, giấy màu, giấy A4, bút dạ....)	Bộ	10	90	900	900	
	Chi phí thuê xe đi thực địa thăm CHTI sản xuất ống bi bê tông và lắp đặt nhà tiêu.	Ngày	1	3.000	3.000	3.000	
4	Tập huấn cho cửa hàng tiện ích, thợ xây và CTV bán hàng về các loại nhà tiêu HVS (1 ngày/lớp). Tập huấn tại tỉnh (mỗi xã 1 chủ cửa hàng VLXD và 2 thợ xây/ xã, Trung tâm Y tế huyện 1 người, trạm y tế xã 1 người: 35 học viên)				164.280	164.280	
	Bồi dưỡng giảng viên (1 ngày/lớp x 02 GV tuyển tỉnh x 1 lớp)	Ngày	2	1.000	2.000	2.000	
	Thuê hội trường	Ngày	1	3.000	3.000	3.000	
	Maket	Cái	1	500	500	500	
	Tài liệu VP cho học viên	Bộ	43	30	1.290	1.290	
	Hỗ trợ Biển hiệu cho cửa hàng tiện ích (8 xã)	Cái	8	4.000	32.000	32.000	
	Mô hình nhà tiêu mẫu (01 xã/02 bộ)	Bộ	20	2.500	50.000	50.000	
	Hỗ trợ Khuân ống bi bê tông cho CHTI (8 xã)	Bộ	8	5.500	44.000	44.000	
	Hỗ trợ in danh thiếp cho CHTI (8 xã)	Cửa hàng	8	450	3.600	3.600	
	Mua dụng cụ tập huấn (giấy A0, giấy màu, giấy A4, bút dạ....)	Bộ	10	90	900	900	
	Giải khát	Người	37	20	740	740	
	Phụ cấp lưu trú cho học viên	Người	35	150	5.250	5.250	
	Tiền thuê phòng nghỉ cho học viên (35*2 đêm = 70 đêm)	Đêm	70	300	21.000	21.000	
5	Hướng dẫn và hỗ trợ lựa chọn mô hình kinh doanh và				11.600	11.600	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức chi	Thành tiền	Nguồn vốn	
						Vốn WB	Vốn NS tỉnh
	hoạt động phát triển thị trường.						
	CTP: 2 người x 150.000đ x 4 ngày = 1.200.000đ Ngủ xã: 2 người x 1 đêm x 100.000đ = 200.000đ Ngủ huyện: 2 người x 2 đêm x 200.000đ = 800.000đ Xăng xe: 2 xe = 700.000đ Tổng 2 người đi công tác = 2.900.000đ Nội dung 1 đợt: + Khảo sát ban đầu CHTI tiềm năng và thành lập 02 CHTI tại 02 xã	Đợt	4	2.900	11.600	11.600	
6	Chương trình truyền thông (trên kênh thông tin đại chúng)				15.000	15.000	
	Chuyên đề trên Truyền hình Hà Giang (HTV) cấp tỉnh thời lượng từ 5-10 phút; Mỗi tháng 1 lần	Lần	1	10.000	10.000	10.000	
	Trên báo Hà Giang (4 quý/năm x 1.250.000 trang)	Trang	4	1.250	5.000	5.000	
7	Xét nghiệm chất lượng nước cho trạm y tế và trường học				101.600	101.600	
	Xét nghiệm nước sinh hoạt cho trạm y tế (1 năm/lần x 1 mẫu/trạm x 10 trạm)	Mẫu	10	2.500	25.000	25.000	
	Xét nghiệm nước sinh hoạt cho trường học: 1 mẫu/ trường x 30 trường = 30 mẫu	Mẫu	30	2.500	75.000	75.000	
	Chi phí mua VPP, dụng cụ lấy mẫu nước	Mẫu	40	40	1.600	1.600	
8	Sản xuất tài liệu truyền thông và phân phối tài liệu truyền thông.				108.340	108.340	
	Danh mục sản phẩm nhà tiêu HVS (Dành cho cán bộ chuyên trách của xã: 10; CHTI: 10; Thợ xây: 20 và Cộng tác viên bán hàng: 97)	Bộ	137	45	6.165	6.165	
	Bộ tranh tuyên truyền về vệ sinh và rửa tay bằng xà phòng (dành cho cán bộ tuyên truyền viên thôn, bản: 97; xã: 10)	Bộ	107	75	8.025	8.025	
	Tờ rơi hướng dẫn quy trình lắp đặt các loại nhà tiêu (4 loại	Tờ	2.000	8	16.000	16.000	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức chi	Thành tiền	Nguồn vốn	
						Vốn WB	Vốn NS tỉnh
	nhà tiêu)						
	Tờ rơi hướng dẫn cách sử dụng các loại nhà tiêu:	Tờ	1.000	4	4.000	4.000	
	Sổ tay hướng dẫn lập kế hoạch và thực hiện hợp phần vệ sinh nông thôn (dành cho cán bộ xã, thôn)	Quyển	107	150	16.050	16.050	
	Sổ tay hướng dẫn xây dựng CHTI và mạng lưới bán hàng.	Quyển	30	120	3.600	3.600	
	Định hướng chiến lược truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh hộ gia đình - Rửa tay bằng xà phòng và thúc đẩy thị trường vệ sinh.	Quyển	10	150	1.500	1.500	
	Lắp đặt áp phích (mỗi xã 2 áp phích tại trường học, trạm y tế x 10 xã)	Tranh	20	2.650	53.000	53.000	
II	Tuyến Huyện				43.950	43.950	
1	Tổng kết Chương trình và triển khai kế hoạch năm 2018	<i>Lồng ghép với các cuộc họp tuyến huyện</i>	0	0			
2	Xây dựng kế hoạch triển khai; kiểm tra, giám sát hỗ trợ các xã thực hiện Chương trình				14.760	14.760	
	CTP: 2 người x 150.000đ x 4 ngày = 1.200.000đ Ngủ xã: 2 người x 3 đêm x 100.000đ = 600.000đ Xăng xe: 15 lít x 22.000đ x 2 xe = 660.000đ Tổng 1 người đi công tác = 1.230.000đ Nội dung 1 đợt (cán bộ TTYT huyện): + Kiểm tra giám sát 120 HGD xây dựng và cải tạo nhà vệ sinh + Kiểm tra, giám sát 01 nhà vệ sinh trạm y tế xã	Đợt	12	1.230	14.760	14.760	
3	Hướng dẫn và hỗ trợ hoạt động phát triển thị trường.				3.720	3.720	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức chi	Thành tiền	Nguồn vốn	
						Vốn WB	Vốn NS tỉnh
	CTP: 2 người x 150.000đ x 2 ngày = 600.000đ Ngủ xã: 2 người x 1 đêm x 100.000đ = 200.000đ Xăng xe: 20 lít x 22.000đ x 1 xe oto = 440.000đ Tổng 1 người đi công tác = 620.000đ Nội dung 1 đợt: + Khảo sát ban đầu CHTI tiềm năng và thành lập 02 CHTI tại 2 xã	Đợt	6	620	3.720	3.720	
4	Hỗ trợ chi phí kiểm tra giám sát xây dựng mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh cho ban điều hành của 3 huyện: Vị Xuyên, Bắc Quang và Quang Bình (Thành phần: UBND huyện, Phòng Nông Nghiệp, Phòng Giáo Dục, Lái xe, TTYT mỗi đơn vị 01 người)				25.470	25.470	
	CTP: 5 người x 100.000đ x 03 ngày = 1.500.000đ Ngủ xã: 5 người x 2 đêm x 100.000đ = 1.000.000đ Xăng xe: 15 lít x 22.000đ = 330.000đ Tổng 5 người đi công tác = 2.830.000đ Nội dung 1 đợt : + Kiểm tra giám sát 03 - 04 xã mỗi xã tối thiểu 02 thôn, 45 hộ gia đình	Đợt	9	2.830	25.470	25.470	
III	Tuyển xã				407.065	407.065	
1	Hội nghị giới thiệu và triển khai Chương trình năm 2018 (10 xã). (Tỉnh 3 người * 10 xã) + (huyện 3 người * 10 xã) + (xã 20 người * 10 xã) + thôn (4 người * 97 thôn) = 648 người)				86.800	86.800	
	Maket chữ tổ chức hội nghị	Cái	10	500	5.000	5.000	
	Bồi dưỡng báo cáo viên	Ngày	10	400	4.000	4.000	
	Tài liệu, VPP cho đại biểu	Bộ	648	30	19.440	19.440	
	Giải khát	Người	658	20	13.160	13.160	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức chi	Thành tiền	Nguồn vốn	
						Vốn WB	Vốn NS tỉnh
	Tiền ăn cho đại biểu đến từ các thôn, bản	Người	388	50	19.400	19.400	
	Chi phí cho người phục vụ tổ chức hội nghị (1 người/hội nghị)	Ngày	10	50	500	500	
	Phụ cấp lưu trú 03 người tuyến huyện	Người	30	150	4.500	4.500	
	- CTP của tuyến tỉnh dự hội nghị tại tuyến xã:						
	+ Phụ cấp lưu trú cho 03 người tuyến tỉnh (3 người * 10 xã * 2 ngày/xã = 60)	Người	60	150	9.000	9.000	
	+ Thuê phòng ngủ cho 03 người tuyến tỉnh (3 người * 10 xã * 1 đêm/xã = 30)	Đêm	30	100	3.000	3.000	
	Xăng xe: 2000km x 0,2 lít	Lít	400	22	8.800	8.800	
2	Tập huấn cho cán bộ xã và tuyên truyền viên: - UBND xã: 02 người/10 lớp (01 lãnh đạo xã, 01 CB VH xã) = 20 người; - Trạm Y tế xã: 02 người/ 10 lớp = 20 người; - Thôn, bản: 194/10 lớp (01 trưởng thôn, 01 y tế thôn bản); Tổng = 234 người/ 10 lớp x 1 ngày/lớp = 234 người				57.550	57.550	
	Bồi dưỡng giảng viên (1 ngày/lớp x 02 GV tuyến tỉnh x 10 lớp)	Ngày	20	1.000	20.000	20.000	
	Mượn hội trường UBND xã và chi trả tiền điện nước	Ngày	10	250	2.500	2.500	
	Maket	Cái	10	500	5.000	5.000	
	Tài liệu VPP cho học viên	Bộ	234	30	7.020	7.020	
	Giải khát (234 người x 1 ngày = 234 người)	Người	234	20	4.680	4.680	
	Mua dụng cụ tập huấn (giấy A0, giấy màu, giấy A4, bút dạ....)	Bộ	10	90	900	900	
	Hỗ trợ tiền ăn trưa cho đại biểu không hưởng lương 97 thôn (01 trưởng thôn, 01 y tế thôn bản) = 194 người/10 lớp x 01	Người	194	50	9.700	9.700	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức chi	Thành tiền	Nguồn vốn	
						Vốn WB	Vốn NS tỉnh
	ngày						
	CTP của giảng viên tuyển tỉnh đi tập huấn tại tuyển huyện:						
	Phụ cấp lưu trú cho 02 giảng viên tuyển huyện, tỉnh: 1 ngày/lớp x 10 lớp	Người	20	150	3.000	3.000	
	Thuê phòng ngủ cho 02 giảng viên: 1 đêm/lớp x 10 lớp	Đêm	20	100	2.000	2.000	
	Xăng xe cho giảng viên: 130 km x 0,2 lít x 5 lượt	Lít	125	22	2.750	2.750	
3	Phát thông điệp, tuyên truyền trên loa phát thanh của xã				4.500	4.500	
	Chi hỗ trợ phát thanh (mỗi bài 1 trang, 350 từ): 1 bài/tháng/xã x 6 tháng x 75.000đ/bài x 10 xã	Bài	60	75	4.500	4.500	
4	Làm bản đồ vệ sinh thôn, bản				111.550	111.550	
	Chi tiền làm bảng fooc khung nhôm (1m x 1,2 m)	Cái	97	550	53.350	53.350	
	Chi tiền hỗ trợ người vẽ bản đồ thôn	Người	97	200	19.400	19.400	
	Chi tiền hỗ trợ y tế thôn gắn, đánh biểu tượng cho bản đồ	Người	97	200	19.400	19.400	
	Chi tiền mua bút dạ (3 bút), giấy đề can 3 màu		97	200	19.400	19.400	
5	Hợp dân tuyên truyền về vệ sinh 1 lần/thôn/năm				33.950	33.950	
	- Chi hỗ trợ người tổ chức (2 người/ thôn x 100.000/ người) 1 lần/thôn/năm	Người	194	100	19.400	19.400	
	- Chi hỗ trợ người tuyên truyền (1 người x 100.000 lần) 1 lần/thôn/năm	Người	97	100	9.700	9.700	
	- Chi tiền chè nước (50.000/cuộc họp) 1 lần/thôn/năm	Cuộc	97	50	4.850	4.850	
6	Thăm hộ gia đình				91.115	91.115	
	Hỗ trợ TTV thôn, bản thăm hộ gia đình, vận động hộ gia đình xây mới và sử dụng nhà tiêu đúng cách (Mỗi tháng 1 lần, mỗi lần 6 hộ/thôn) x 97 thôn x 6 tháng.	hộ	3.492	25	87.300	87.300	
	Photo phiếu thăm hộ gia đình	Phiếu	3.815	1	3.815	3.815	
7	Hỗ trợ chi phí kiểm tra giám sát xây dựng mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh cho ban điều hành của 10 xã về vệ sinh				21.600	21.600	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức chi	Thành tiền	Nguồn vốn	
						Vốn WB	Vốn NS tỉnh
	toàn xã						
	Chi hỗ trợ cán bộ trong ban điều hành đi kiểm tra giám sát mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh tại thôn 06 người/xã x 02 ngày/xã x30,000 đ/ người/ ngày + Tổng 1 đợt : 360.000 đồng Mỗi xã giám sát 01 đợt / tháng x 06 tháng - Mỗi đợt giám sát 60 hộ gia đình	Đợt	60	360	21.600	21.600	
C2	Ngành Giáo dục và Đào tạo				486.505	486.505	
I	Cấp tỉnh, huyện				206.605	206.605	
1	Hội nghị triển khai kế hoạch truyền thông năm 2018, tổng kết công tác truyền thông năm 2017; Thành phần: LĐ UBND tỉnh, LĐ các sở NN, y tế, TT nước, TT y tế DP tỉnh: 5 người (Lãnh đạo huyện, LĐ, CB chuyên môn phòng GD huyện 3 x 3 người/huyện = 9(người), BGH trường MN của , 9 xã VSTX 2017, 10 xã VSTX năm 2018 của 3 huyện (1 người/trường x 22 trường = 22 người): BGH trường tiểu học của 3 xã VSTX 2016, 9 xã VSTX 2017, 10 xã VSTX năm 2018 (1 người/trường x 27 trường = 27); BGH trường THCS của 3 xã VSTX năm 2016, 9 xã VSTX 2017, 10 xã VSTX năm 2018 của 3 huyện (1 người/trường x 22 trường = 22 người) LĐ, trưởng các phòng CM, CV sở GD 6 người; (tổng cộng 91 người)	52.235	52.235				
	Kinh phí thuê hội trường (Hội trường, Trang trí khánh tiết, Máy chiếu, người phục vụ)	Ngày	1	3.500	3.500	3.500	
	Kinh phí in ấn tài liệu 91 bộ x 45.000 đ (TC thẩm định 35.000 đ)	Bộ	91	35	3.185	3.185	
	Nước uống giải khát 91 người x 20.000 đ	Người	91	20	1.820	1.820	
	Kinh phí mua văn phòng phẩm 91 người x 30.000	Người	91	30	2.730	2.730	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức chi	Thành tiền	Nguồn vốn	
						Vốn WB	Vốn NS tỉnh
	Kinh phí chi cho báo cáo viên: 1 người x 1.200.000đ/ngày (TC thâm định 1 trđ)	Người	1	1.000	1.000	1.000	
	Hỗ trợ KP đi lại cho các DB cấp huyện 80 người x 120.000 x 2 lượt (TC TĐ 50.000)	Người	80	100	8.000	8.000	
	Hỗ trợ công tác phí cho các DB cấp huyện 80 người x 150.000 x 1 ngày	Người	80	150	12.000	12.000	
	Hỗ trợ tiền ngủ chi các DB cấp huyện 80 người x 250.000 đ/dêm x 1 dêm	Người	80	250	20.000	20.000	
2	Tập huấn triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông đối với 3 cấp học thuộc địa bàn 10 xã VSTX năm 2018 ; Thành phần gồm: Phòng GD&ĐT Cán bộ phụ trách các cấp học 3 người/ phòng x 3 phòng; Đối với trường học, gồm 31 trường (mỗi trường 3 người: 01 cán bộ tổng phụ trách, 01 đại diện của BGH và 01 cán bộ Y tế học đường). Dự kiến tổ chức thành 3 lớp, mỗi lớp 01 ngày. (tổng 102 người = 31 x 3 người +9 người)	Người	90		73.170	73.170	
	Kinh phí thuê hội trường, âm thanh, Market, Máy chiếu Projector, phục vụ hậu cần (Trọn gói). TCTĐ 3.500)	Ngày	3	3.500	10.500	10.500	
	Kinh phí chi cho báo cáo viên: 3 người x 1.200.000đ/ngày (TCTĐ 1.000)	Ngày	3	1.000	3.000	3.000	
	Kinh phí in ấn tài liệu 102 bộ x 45.000 đ (TC TĐ 35.000 đ)	Bộ	102	35	3.570	3.570	
	Nước uống 102 người x 20.000 đ	Người	102	20	2.040	2.040	
	Kinh phí mua văn phòng phẩm 102 người x 30.000	Người	102	30	3.060	3.060	
	Hỗ trợ KP đi lại cho các DB cấp huyện 102 người x 120.000 x 2 lượt (TCTĐ 50x2)	Người	102	100	10.200	10.200	
	Hỗ trợ công tác phí cho các DB cấp huyện 102 người x 150.000 x 1 ngày	Người	102	150	15.300	15.300	
	Hỗ trợ tiền ngủ chi các DB cấp huyện 102 người x 250.000	Người	102	250	25.500	25.500	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức chi	Thành tiền	Nguồn vốn	
						Vốn WB	Vốn NS tỉnh
	đ/đêm x 1 đêm						
3	In tài liệu truyền thông (Tranh, áp phích, đĩa DVD, tài liệu hướng dẫn rửa tay bằng xà phòng và sử dụng nhà tiêu HVS ...) đối với cấp học Mầm non, tiểu học và THCS tại 3 xã VSTX năm 2016, 9 xã VSTX năm 2017.				62.000	62.000	
	In tài liệu, tranh tuyên truyền cấp Mầm non tại 10 trường mầm non thuộc 10 xã VSTX năm 2018	Trường học	10	2.000	20.000	20.000	
	In tài liệu, tranh tuyên truyền cấp tiểu tại 11 trường tiểu học thuộc 10 xã VSTX năm 2018	Trường học	11	2.000	22.000	22.000	
	In tài liệu, tranh tuyên truyền cấp THCS, PTCS tại 10 trường thuộc 10 xã VSTX năm 2018	Trường học	10	2.000	20.000	20.000	
4	Công tác kiểm tra giám sát tại các trường thuộc xã VSTX năm 2016, 2017 (cấp tỉnh)				19.200	19.200	
	CTP: 3 người x 150.000đ x 4 ngày = 1.800.000đ Ngủ xã: 3 người x 1 đêm x 100.000đ = 300.000đ Ngủ huyện: 3 người x 2 đêm x 250.000đ = 1.500.000đ Tiền xe: 100km x 2 lượt x 2.000đ x 3 người = 1.200.000đ Nội dung 1 đợt giám sát: + Kiểm tra giám sát công tác tuyên truyền tại các trường học thuộc các xã + Kiểm tra công tác xây dựng nhà vệ sinh, cấp nước trường học	đợt	4	4.800	19.200	19.200	
II	Cấp trường học				279.900	279.900	
1	Hội nghị triển khai kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi về nước sạch, vệ sinh trong trường học năm 2018 cho toàn bộ giáo viên của 31 trường thuộc 3 cấp học tại 10 xã VSTX (Khoảng 620 người).				43.400	43.400	
	Giải khát giữa giờ 20 người/trường x 20.000 đ x 31 trường	Người	620	20	12.400	12.400	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức chi	Thành tiền	Nguồn vốn	
						Vốn WB	Vốn NS tỉnh
	Kinh phí in ấn tài liệu 20 bộ x 35.000 đ x 31 trường	Người	620	35	21.700	21.700	
	Kinh phí mua văn phòng phẩm 20 người/trường x 15.000 x 31 trường	Người	620	15	9.300	9.300	
2	Tổ chức hội thi tuyên truyền về nước sạch và vệ sinh môi trường (Dự kiến tổ chức tại 10 đơn vị x 19.500.000đ = 195.000.000 đ				195.000	195.000	
a	Công tác chuẩn bị				113.000	113.000	
	Ban giám khảo (3 người x 500,000 đ/ người)	Người	30	500	15.000	15.000	
	Trang trí sân khấu, âm thanh, máy chiếu ...	Cuộc	10	5.000	50.000	50.000	
	Nước uống: BTC, BGK, thành viên tham gia	Cuộc	10	1.500	15.000	15.000	
	Biên soạn đề, đáp án (3 người x 3 đề x 200.000 đ x 10 trường)	Người	90	200	18.000	18.000	
	Thuê trang phục biểu diễn (3đội x 500.000đ)	Đội	30	500	15.000	15.000	
b	Văn nghệ chào mừng				50.000	50.000	
	Chi hỗ trợ tập văn nghệ: 50.000đ/ người/ ngày x 10 người x 7 ngày	Người	100	350	35.000	35.000	
	Diễn chính thức: 150.000đ/người x 10 người	Người	100	150	15.000	15.000	
c	Cơ cấu giải thưởng				32.000	32.000	
	Giải nhất (01 giải)	Giải	10	1.000	10.000	10.000	
	Giải nhì (01 giải)	Giải	10	800	8.000	8.000	
	Giải ba (01 giải)	Giải	10	600	6.000	6.000	
	Giải khuyến khích (02 giải) mỗi giải 400.000đ	Giải	20	400	8.000	8.000	
3	Hoạt động ngoại khóa trong trường học - tổ chức hội thi vẽ tranh tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, sử dụng nhà tiêu, rửa tay bằng xà phòng học đường cho học sinh tại các trường Mầm non, tiểu học thuộc 10 xã VSTX năm 2018 (dự kiến tổ chức tại 5 trường)				28.500	28.500	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức chi	Thành tiền	Nguồn vốn	
						Vốn WB	Vốn NS tỉnh
	Ban giám khảo (3 người x 500,000 đ/ người x 6 trường)	Người	15	500	7.500	7.500	
	Băng zôn, khẩu hiệu, trang trí khánh tiết	Cuộc	5	1.000	5.000	5.000	
	Nước uống, đồ giải khát ban tổ chức	Cuộc	5	1.200	6.000	6.000	
	Chụp ảnh làm tư liệu tuyên truyền: 500.000đ x 6 trường	Trường học	5	500	2.500	2.500	
	Mua văn phòng phẩm phục vụ hội thi	Cuộc	5	1.500	7.500	7.500	
4	Giám sát thực hiện hoạt động truyền thông và duy trì nhà vệ sinh, rửa tay xà phòng trong trường học (Cán bộ phòng GD&ĐT các huyện đi kiểm tra)				13.000	13.000	
	CTP: 2 người x 150.000đ x 2 ngày = 600.000đ Ngủ xã: 2 người x 1 đêm x 100.000đ = 300.000đ Xăng xe: 20 lít x 20.000đ x 1 xe = 400.000đ Nội dung 1 đợt giám sát: + Kiểm tra giám sát công tác tuyên truyền tại các trường học thuộc các xã + Kiểm tra công tác xây dựng nhà vệ sinh, cấp nước trường học	Lần	10	1.300	13.000	13.000	

28

Phụ lục VI
KHUNG HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI

CẤP TRIỂN KHAI	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG
CẤP TỈNH	1. Tổ chức hội nghị triển khai về chương trình vệ sinh: tầm quan trọng về vệ sinh, phương pháp thực hiện và sự hỗ trợ cần thiết của các cấp lãnh đạo để thúc đẩy vệ sinh nông thôn (cấp tỉnh, cấp huyện) 2. Xây dựng kế hoạch triển khai và giám sát thực hiện chương trình bao gồm cả văn bản cam kết và hợp đồng trách nhiệm với các đơn vị/cấp liên quan. 3. Tập huấn TOT cho các cán bộ nòng cốt cấp tỉnh, huyện về truyền thông, phát triển thị trường vệ sinh, giám sát đánh giá..... 4. Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng (Đài truyền hình và báo) bao gồm (i) phát thông điệp truyền thông (dựa theo clip đã có), (ii) xây dựng và phát phóng sự/tọa đàm/bản tin truyền thông, (iii) Viết và đăng các bài trên báo/tập san. 5. Hướng dẫn và hỗ trợ lựa chọn mô hình kinh doanh và hoạt động phát triển thị trường: lựa chọn và tập huấn cửa hàng tiện ích, hộ trợ CHTI phát triển thị trường... 6. Tổ chức các sự kiện truyền thông vận động chính sách, cộng đồng như lễ mít tinh hưởng ứng ngày vệ sinh yêu nước, ngày thế giới rửa tay với xà phòng, ngày nhà tiêu thế giới (ít nhất 1 năm/1 lần). 7. Hỗ trợ các huyện/xã triển khai thực hiện: giám sát, đánh giá. 8. Tổ chức các chuyến tham quan/chia sẻ kinh nghiệm giữa các địa phương (xã với xã, huyện với huyện, tỉnh với tỉnh) 9. Kiểm tra và xét nghiệm chất lượng nước theo quy chuẩn cho trường học và trạm y tế 10. Phối hợp với Đơn vị kiểm đếm để xác nhận các xã đạt “vệ sinh toàn xã” 11. In ấn và phân phối tài liệu truyền thông theo hướng dẫn của Cục QLMTYT bao gồm sao chép tài liệu nghe nhìn (băng đĩa) và tài liệu truyền thông trực tiếp catalogue sản phẩm, poster, tờ rơi truyền thông, sổ tay hướng dẫn triển khai Chương trình tại các cấp, ... 12. Hỗ trợ huyện và xã giám sát để duy trì tính bền vững với các xã đã đạt vệ sinh toàn xã. 13. Hội thảo tổng kết cuối năm

CẤP TRIỂN KHAI	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG
CẤP HUYỆN	1. Tổ chức hội nghị triển khai về chương trình vệ sinh: tầm quan trọng về vệ sinh, phương pháp thực hiện và sự hỗ trợ cần thiết của các cấp lãnh đạo để thúc đẩy vệ sinh nông thôn <i>(có thể lồng ghép với hội nghị của tỉnh)</i> 2. Xây dựng kế hoạch triển khai và hệ thống giám sát chương trình bao gồm văn bản cam kết và hợp đồng trách nhiệm với các đơn vị/cấp liên quan. 3. Phối hợp với tỉnh để tổ chức các sự kiện truyền thông vận động cộng đồng như lễ mít tinh hưởng ứng ngày vệ sinh yêu nước, ngày thế giới rửa tay với xà phòng, ngày nhà tiêu thế giới. 4. Hướng dẫn và hỗ trợ hoạt động phát triển thị trường: lựa chọn và tập huấn CHTI, hỗ trợ CHTI phát triển thị trường... 5. Tập huấn cho cửa hàng tiện ích, thợ xây và cộng tác viên bán hàng <i>(có thể mấy huyện tổ chức 1 lớp)</i> 6. Tập huấn cho cán bộ xã và tuyên truyền viên <i>(có thể mấy huyện tổ chức 1 lớp)</i> 7. Phối hợp với Đoàn kiểm đếm công nhận các xã đạt “vệ sinh toàn xã 8. Hỗ trợ các huyện/xã triển khai thực hiện: giám sát, đánh giá, 9. Hội thảo tổng kết cuối năm <i>(lồng ghép với hội nghị của tỉnh)</i> 10. Giám sát xã để duy trì tính bền vững với các xã đã đạt vệ sinh toàn xã.
CẤP XÃ, THÔN	1. Xây dựng văn bản cam kết của lãnh đạo xã thực hiện chương trình đạt vệ sinh toàn xã 2. Hội nghị triển khai chương trình vệ sinh nông thôn 3. Lập kế hoạch triển khai và giám sát, hỗ trợ thực hiện ở các thôn 4. Tổ chức các sự kiện truyền thông về vệ sinh như lễ phát động, ngày hội vệ sinh đẩy mạnh phong trào thi đua thúc đẩy vệ sinh giữa các thôn <i>(1 lần/năm)</i>. 5. Lắp đặt các cụm pano, áp phích truyền thôn, vẽ tranh tường về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường tại các trạm y tế xã, trường học và nơi công cộng. 6. Phát chương trình vệ sinh trên loa phát thanh của xã 7. Hỗ trợ tổ chức hoạt động truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh trường học

CẤP TRIỂN KHAI	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG
	8. Giám sát, hỗ trợ hoạt động ở thôn, báo cáo định kỳ Phối hợp với Đoàn đánh giá độc lập công nhận các xã đạt “vệ sinh toàn xã” 9. Họp giao ban và Báo cáo định kỳ 10. Tổ chức kích hoạt cho những địa bàn phù hợp nếu cần thiết 11. Lập bản đồ vệ sinh thôn/bản 12. Họp thôn về vệ sinh (ít nhất 1 lần/thôn) 13. Thăm hộ gia đình vận động xây và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh 14. Phối hợp với Đoàn đánh giá độc lập và xác nhận các xã đạt “vệ sinh toàn xã” 15. Tổ chức công nhận đạt vệ sinh toàn xã
TRƯỜNG HỌC	1. Tập huấn TOT cho sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, và Ban giám hiệu/giáo viên: mầm non, tiểu học 2. Triển khai các hoạt động truyền thông trong trường học: tuyên truyền trong lễ chào cờ, giờ ngoại khóa, qua hoạt động của đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. 3. In ấn tài liệu truyền thông và hướng dẫn sử dụng cho các trường học 4. Duy trì hoạt động truyền thông vào các hoạt động thường xuyên của trường học.

Handwritten signature